

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

KHÓA 11

Hải Dương, 2020

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình	: Kế toán
Ngành đào tạo	: Kế toán Accounting
Mã ngành	: 7340301
Trình độ đào tạo	: Đại học (Cử nhân)

*(Ban hành theo Quyết định số 405/QĐ-ĐHSD, ngày 24 tháng 9 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sao Đỏ)*

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung:

- Đào tạo cử nhân kế toán có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm bản thân, gia đình và xã hội; nắm vững những kiến thức cơ bản về tài chính, ngân hàng, pháp luật, xã hội, nhân văn và các công cụ thống kê, phân tích định lượng; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về kế toán; có năng lực hoạch định chính sách kế toán, kiểm toán; tư vấn, phân tích và dự báo tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh tại các đơn vị hành chính, sự nghiệp và các doanh nghiệp; có tư duy độc lập, nghiên cứu tự bổ sung kiến thức để vận dụng thành thạo, sáng tạo những nguyên lý kế toán đáp ứng yêu cầu về việc làm trong môi trường cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

- Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng cử nhân kế toán; làm việc được tại các doanh nghiệp và các bộ phận tài chính, kế toán, kiểm toán tại các bộ, ngành, đơn vị hành chính, sự nghiệp và cơ quan nhà nước khác.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

1.2.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

1.2.1.1a. Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật, kinh tế - xã hội và quốc phòng – an ninh để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

1.2.1.1b. Có kiến thức về toán học và khoa học tự nhiên và ngoại ngữ để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

1.2.1.1c. Có kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc của ngành.

1.2.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

1.2.1.2a. Có kiến thức nền tảng để thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích và ghi chép các thông tin kinh tế tài chính của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế.

1.2.1.2b. Có kiến thức chuyên sâu để giải quyết các vấn đề chuyên môn về tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp và tổ chức kinh tế.

1.2.1.2c. Có kiến thức về quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.2.2. Kỹ năng

1.2.2.1. Có kỹ năng tổ chức vận dụng chứng từ, tài khoản kế toán, hình thức kế toán, bộ máy kế toán, báo cáo kế toán theo chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và quốc tế trong các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, xã hội.

1.2.2.2. Ứng dụng được phần mềm tin học chuyên ngành và sử dụng ngoại ngữ trong công việc chuyên môn.

1.2.2.3. Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và năng lực dẫn dắt chuyên môn để giải quyết vấn đề liên quan đến ngành Kế toán.

1.2.2.4. Có năng lực ngoại ngữ tiếng Anh, tiếng Trung Quốc hoặc tiếng Nhật bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

1.2.3.1. Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và chịu trách nhiệm trong công việc.

1.2.3.2. Có năng lực định hướng, lập kế hoạch, điều phối, quản lý, hướng dẫn, giám sát, đánh giá và đưa ra kết luận các công việc thuộc chuyên môn nghề nghiệp.

2. CHUẨN ĐẦU RA

2.1. Kiến thức

2.1.1. Hiểu được những nguyên lý cơ bản của Triết học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Pháp luật, Quốc phòng - An ninh, Giáo dục thể chất để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

2.1.2. Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản đáp ứng yêu cầu công việc của ngành.

2.1.3. Vận dụng kiến thức về toán học, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và ngoại ngữ để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

2.1.4. Phân tích được quy trình tổ chức công tác kế toán.

2.1.5. Vận dụng kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành để lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các hoạt động trong lĩnh vực kế toán.

2.1.6. Hiểu về quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh tại các doanh nghiệp liên quan đến kế toán.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Tổ chức lập chứng từ, sổ sách kế toán và báo cáo kế toán trong các loại hình doanh nghiệp và tổ chức kinh tế xã hội khác nhau phù hợp với chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán và luật kế toán hiện hành.

2.2.2. Lập, kê khai và quyết toán thuế (thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế xuất nhập khẩu,...).

2.2.3. Lập và phân tích các báo cáo tài chính (bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính).

2.2.4. Cập nhật, xử lý, phân tích, đánh giá số liệu và tham mưu về lĩnh vực kinh tế

như: kế toán, kiểm toán, thuế, tài chính cho lãnh đạo tại doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước và các tổ chức kinh tế - xã hội khác.

2.2.5. Ứng dụng thành thạo tin học, các công cụ phục vụ thực hành nghề nghiệp, thiết lập và tổ chức dữ liệu phục vụ công tác kế toán trong thực tế.

2.2.6. Có kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho bản thân và cho người khác.

2.2.7. Đánh giá được chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm. Truyền đạt được vấn đề và giải pháp chuyên môn tới người khác trong việc thực hiện những nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực kế toán.

2.2.8. Có năng lực ngoại ngữ tiếng Anh, tiếng Trung Quốc hoặc tiếng Nhật đạt bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

2.3.1. Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi.

2.3.2. Có năng lực hướng dẫn, giám sát người khác cùng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

2.3.3. Tự định hướng, đưa ra kết luận và bảo vệ quan điểm cá nhân trong lĩnh vực kế toán.

2.3.4. Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động sản xuất liên quan đến kế toán.

3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 146 tín chỉ (không tính học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh, Kỹ năng mềm).

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ đại học (đào tạo chính quy, tổ chức đào tạo theo hình thức tích lũy tín chỉ) và các văn bản hiện hành, được cụ thể hóa theo quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Sao Đỏ.

7. THANG ĐIỂM: Sử dụng thang điểm 10 được quy đổi thành thang điểm 4 và điểm chữ

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

STT	Mã học phần	Học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
8.1		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	43	41	2
8.1.1		Lý luận chính trị	11	11	0
1	CTRI 001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
2	CTRI 002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	0
3	CTRI 003	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0
4	CTRI 004	Triết học Mác-Lênin	3	3	0
5	CTRI 005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
8.1.2		Khoa học xã hội – nhân văn	8	8	0
8.1.2.1		PHẦN BẮT BUỘC	6	6	0
6	KHXX 006	Pháp luật đại cương	2	2	0

STT	Mã học phần	Học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
7	KHXH 007	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0
8	KHXH 010	Tâm lý học đại cương	2	2	0
8.1.2.2		PHẦN TỰ CHỌN (chọn 1 trong 4 học phần sau)	2	2	0
9	KHXH 002	Khởi nghiệp kinh doanh	2	2	0
10	KHXH 008	Soạn thảo văn bản	2	2	0
8.1.3		Ngoại ngữ (chọn 1 trong 3 ngoại ngữ)	11	11	0
8.1.3.1		Tiếng Anh	11	11	0
11	TANH 001	Tiếng Anh 1	2	2	0
12	TANH 002	Tiếng Anh 2	2	2	0
13	TANH 003	Tiếng Anh 3	2	2	0
14	TANH 004	Tiếng Anh 4	2	2	0
15	TANH 014	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán	3	3	0
8.1.3.2		Tiếng Trung Quốc	11	11	0
16	TTRUNG 004	Tiếng Trung 1	2	2	0
17	TTRUNG 005	Tiếng Trung 2	2	2	0
18	TTRUNG 006	Tiếng Trung 3	2	2	0
19	TTRUNG 007	Tiếng Trung 4	2	2	0
20	TTRUNG 008	Tiếng Trung 5	3	3	0
8.1.3.3		Tiếng Nhật	11	11	0
21	TNHAT 001	Tiếng Nhật 1	2	2	0
22	TNHAT 002	Tiếng Nhật 2	2	2	0
23	TNHAT 003	Tiếng Nhật 3	2	2	0
24	TNHAT 004	Tiếng Nhật 4	2	2	0
25	TNHAT 005	Tiếng Nhật 5	3	3	0
8.1.4		Toán học - Khoa học tự nhiên – Tin học	13	11	2
26	TOAN 006	Toán ứng dụng C1	3	3	0
27	TOAN 007	Toán ứng dụng C2	3	3	0
28	TOAN 008	Xác suất và thống kê	3	3	0
29	TINCB 001	Tin học cơ bản 1	2	1	1
30	TINCB 002	Tin học cơ bản 2	2	1	1
8.2		KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	103	61	42
8.2.1		Kiến thức cơ sở ngành	18	14	4

STT	Mã học phần	Học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
31	KETOAN 001	Chuẩn mực kế toán Việt Nam	3	2	1
32	QTKD 001	Marketing căn bản	2	2	0
33	QTKD 013	Kinh tế vi mô	3	2	1
34	QTKD 014	Kinh tế vĩ mô	3	2	1
35	QTKD 015	Luật kinh tế	2	2	0
36	QTKD 016	Lý thuyết tài chính	2	2	0
37	QTKD 017	Lý thuyết thống kê	3	2	1
8.2.2		Kiến thức ngành	65	40	25
8.2.2.1		PHẦN BẮT BUỘC	53	30	23
38	KETOAN 004	Đề án nguyên lý kế toán	2	0	2
39	KETOAN 006	Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ	3	2	1
40	KETOAN 007	Kế toán quản trị	3	2	1
41	KETOAN 008	Kế toán thuế	4	2	2
42	KETOAN 009	Kiểm toán căn bản	2	2	0
43	KETOAN 011	Nguyên lý kế toán	4	3	1
44	KETOAN 012	Phân tích báo cáo tài chính	3	2	1
45	KETOAN 013	Quản trị tài chính	2	2	0
46	KETOAN 014	Kế toán chi phí	2	1	1
47	KETOAN 015	Thuế	3	2	1
48	KETOAN 016	Phân tích hoạt động kinh tế	2	2	0
49	KETOAN 017	Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp	3	2	1
50	KETOAN 018	Kế toán doanh nghiệp A1	2	1	1
51	KETOAN 019	Kế toán doanh nghiệp A2	3	2	1
52	KETOAN 020	Kế toán doanh nghiệp A3	2	1	1
53	KETOAN 021	Kế toán doanh nghiệp A4	3	2	1
54	KETOAN 023	Đề án kế toán doanh nghiệp 1	2	0	2
55	KETOAN 024	Đề án kế toán doanh nghiệp 2	2	0	2
56	KETOAN 025	Lập báo cáo tài chính	3	2	1
57	KETOAN 027	Kế toán tin doanh nghiệp sản xuất	3	0	3
8.2.2.2		PHẦN TỰ CHỌN 1 (chọn 1 trong 3 học phần sau)	2	2	0
58	KETOAN 005	Kế toán doanh nghiệp thương mại & dịch vụ	2	2	0
59	KETOAN 010	Luật kế toán	2	2	0
60	QTKD 037	Thống kê kinh tế	2	2	0
8.2.2.3		PHẦN TỰ CHỌN 3 (chọn 2 trong 3 học phần)	4	4	0
61	KETOAN 031	Kế toán doanh nghiệp nông nghiệp	2	2	0
62	KETOAN 032	Thị trường chứng khoán	2	2	0
63	KETOAN 033	Bảo hiểm	2	2	0

STT	Mã học phần	Học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
8.2.2.4		PHẦN TỰ CHỌN 2 (chọn 2 trong 3 học phần sau)	6	4	2
64	KETOAN 028	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	2	1
65	KETOAN 029	Kế toán xây dựng cơ bản	3	2	1
66	KETOAN 030	Nghiệp vụ kế toán ngân hàng	3	2	1
8.2.3		Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp	20	7	13
67	KETOAN 402	Thực tập chuyên đề	3	0	3
68	KETOAN 403	Thực tập tốt nghiệp	7	0	7
69	KETOAN 401	Khóa luận tốt nghiệp (hoặc học thêm một số học phần chuyên môn)	10	7	3
70	KETOAN 022	Kế toán ngân sách và tài chính xã	2	2	0
71	KETOAN 034	Kế toán quốc tế	2	2	0
72	KETOAN 035	Đề án kế toán thuế	3	0	3
73	KETOAN 036	Kiểm toán báo cáo tài chính	3	3	0
		Tổng (Tín chỉ)	146	102	44

*** CÁC HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN**

TT	Học phần	Số tín chỉ		
		Tổng	LT	TH
1	Giáo dục thể chất	3	0	3
2	Giáo dục quốc phòng và an ninh	165h (4TC)		
3	Kỹ năng mềm	15	8	7

9. MA TRẬN TÍCH HỢP HỌC PHẦN - CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

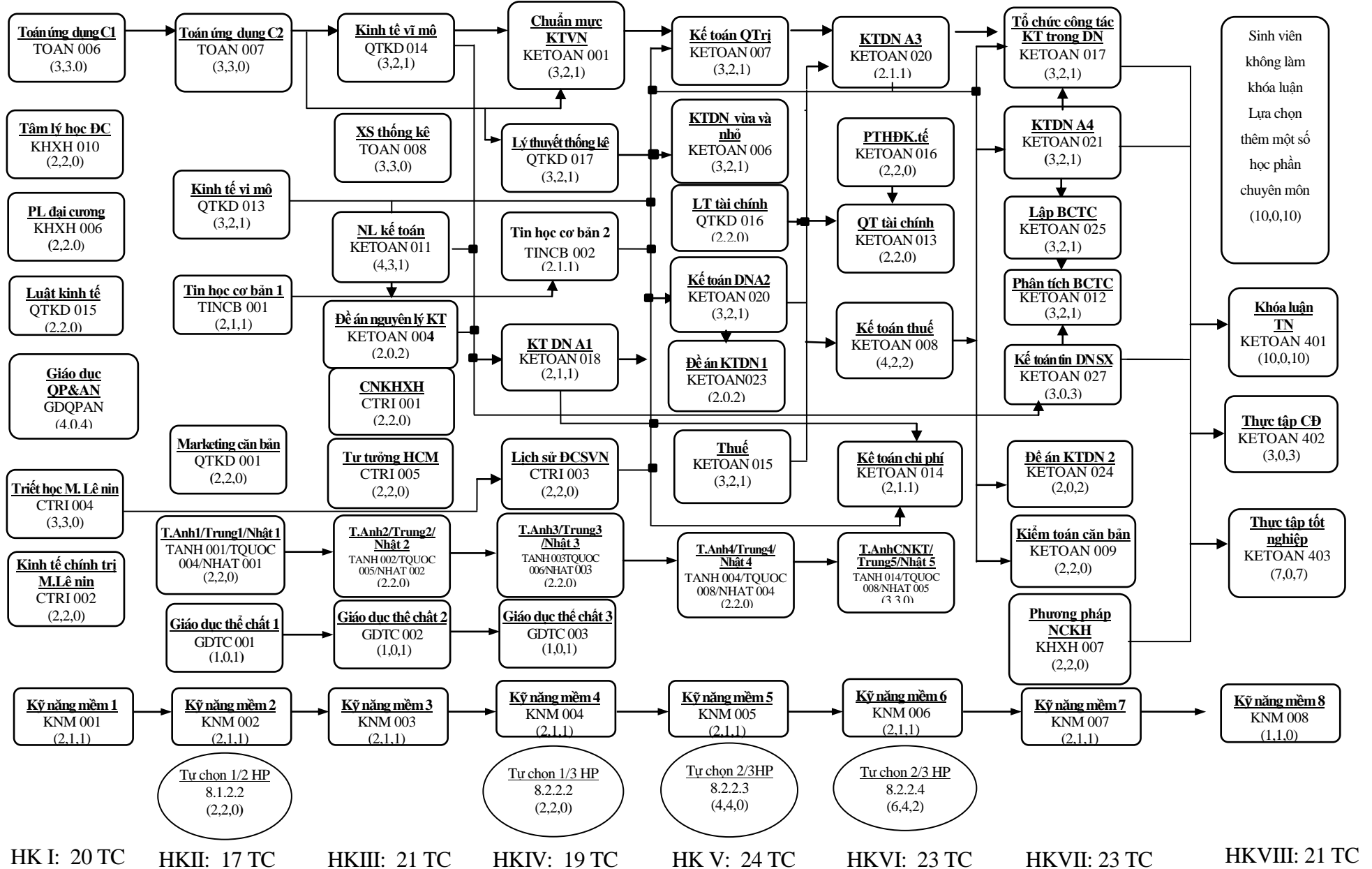
STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																	
			Kiến thức						Kỹ năng								Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.2.8	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
1.	CTRI 001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x															x		
2.	CTRI 002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	x															x		
3.	CTRI 003	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x															x		
4.	CTRI 004	Triết học Mác-Lênin	x															x		
5.	CTRI 005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x															x		
6.	KHXH 002	Khởi nghiệp kinh doanh	x											x				x		
7.	KHXH 006	Pháp luật đại cương	x															x		
8.	KHXH 007	Phương pháp nghiên cứu khoa học	x															x		
9.	KHXH 008	Soạn thảo văn bản			x			x										x		
10.	KHXH 010	Tâm lý học đại cương	x		x													x		
11.	TANH 001	Tiếng Anh 1			x												x	x		
12.	TANH 002	Tiếng Anh 2			x												x	x		
13.	TANH 003	Tiếng Anh 3			x												x	x		
14.	TANH 004	Tiếng Anh 4			x												x	x		
15.	TANH 014	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán			x												x	x		
16.	TTRUNG 004	Tiếng Trung 1			x												x	x		
17.	TTRUNG 005	Tiếng Trung 2			x												x	x		
18.	TTRUNG 006	Tiếng Trung 3			x												x	x		
19.	TTRUNG 007	Tiếng Trung 4			x												x	x		
20.	TTRUNG 008	Tiếng Trung 5			x												x	x		
21.	TNHAT 001	Tiếng Nhật 1			x												x	x		

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																	
			Kiến thức						Kỹ năng								Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.2.8	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
22.	TNHAT 002	Tiếng Nhật 2			x											x	x			
23.	TNHAT 003	Tiếng Nhật 3			x											x	x			
24.	TNHAT 004	Tiếng Nhật 4			x											x	x			
25.	TNHAT 005	Tiếng Nhật 5			x											x	x			
26.	TOAN 006	Toán ứng dụng C1			x							x			x		x	x		
27.	TOAN 007	Toán ứng dụng C2			x							x			x		x	x		
28.	TOAN 008	Xác suất và thống kê			x							x			x		x	x		
29.	TINCB 001	Tin học cơ bản 1		x									x				x			
30.	TINCB 002	Tin học cơ bản 2		x									x				x			
31.	GDTC	Giáo dục thể chất	x															x		
32.	GDQPAN	Giáo dục quốc phòng và an ninh	x															x		
33.	KNM	Kỹ năng mềm	x									x		x	x	x	x	x		
34.	KETOAN 001	Chuẩn mực kế toán Việt Nam				x									x		x	x	x	
35.	KETOAN 004	Đề án nguyên lý kế toán			x	x	x	x	x						x		x	x	x	
36.	KETOAN 005	Kế toán DN thương mại & dịch vụ				x			x				x		x		x	x	x	
37.	KETOAN 006	Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ				x			x						x		x	x	x	
38.	KETOAN 007	Kế toán quản trị					x	x	x			x			x		x	x		
39.	KETOAN 008	Kế toán thuế			x				x	x					x		x	x	x	
40.	KETOAN 009	Kiểm toán căn bản					x								x		x			
41.	KETOAN 010	Luật kế toán				x	x								x		x	x	x	
42.	KETOAN 011	Nguyên lý kế toán				x									x		x	x	x	
43.	KETOAN 012	Phân tích báo cáo tài chính			x							x	x		x		x	x		

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																	
			Kiến thức						Kỹ năng								Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.2.8	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
44.	KETOAN 013	Quản trị tài chính			x		x	x				x					x	x		
45.	KETOAN 014	Kế toán chi phí			x			x				x			x		x	x	x	
46.	KETOAN 015	Thuế			x					x					x		x	x		
47.	KETOAN 016	Phân tích hoạt động kinh tế			x	x		x				x					x			x
48.	KETOAN 017	Tổ chức công tác kế toán trong DN				x	x	x	x				x	x	x		x	x	x	x
49.	KETOAN 018	Kế toán doanh nghiệp A1				x		x	x				x		x		x	x		
50.	KETOAN 019	Kế toán doanh nghiệp A2				x		x	x				x		x		x	x		
51.	KETOAN 020	Kế toán doanh nghiệp A3				x		x	x				x		x		x	x		
52.	KETOAN 021	Kế toán doanh nghiệp A4				x		x	x				x		x		x	x		
53.	KETOAN 022	Kế toán ngân sách và tài chính xã				x			x				x		x		x			
54.	KETOAN 023	Đề án kế toán doanh nghiệp 1			x	x	x	x	x	x		x	x		x		x	x	x	x
55.	KETOAN 024	Đề án kế toán doanh nghiệp 2			x	x	x	x	x	x		x	x		x		x	x	x	x
56.	KETOAN 025	Lập báo cáo tài chính			x	x		x	x		x		x		x		x	x		
57.	KETOAN 027	Kế toán tin doanh nghiệp sản xuất			x	x		x	x				x				x	x		
58.	KETOAN 028	Kế toán hành chính sự nghiệp				x			x						x		x	x		
59.	KETOAN 029	Kế toán xây dựng cơ bản				x		x	x				x		x		x	x		
60.	KETOAN 030	Nghiệp vụ kế toán ngân hàng				x		x	x						x		x	x		
61.	KETOAN 031	Kế toán doanh nghiệp nông nghiệp				x		x	x				x		x		x	x		
62.	KETOAN 032	Thị trường chứng khoán			x								x				x			
63.	KETOAN 033	Bảo hiểm			x								x				x			
64.	KETOAN 034	Kế toán quốc tế			x										x		x			
65.	KETOAN 035	Đề án kế toán thuế			x		x		x	x		x	x		x		x	x	x	x
66.	KETOAN 036	Kiểm toán báo cáo tài chính				x									x		x			

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																	
			Kiến thức						Kỹ năng								Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.2.8	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
67.	KETOAN 401	Khóa luận tốt nghiệp				x	x	x	x	x	x	x	x		x		x	x	x	x
68.	KETOAN 402	Thực tập chuyên đề				x	x	x	x	x		x	x		x		x	x	x	x
69.	KETOAN 403	Thực tập tốt nghiệp				x	x	x	x	x	x	x		x		x	x	x	x	
70.	QTKD 001	Marketing căn bản			x												x			
71.	QTKD 013	Kinh tế vi mô			x		x													x
72.	QTKD 014	Kinh tế vĩ mô			x		x													x
73.	QTKD 015	Luật kinh tế			x												x			
74.	QTKD 016	Lý thuyết tài chính			x							x					x	x		
75.	QTKD 017	Lý thuyết thống kê			x												x			
76.	QTKD 037	Thống kê kinh tế					x										x		x	

10. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO - NGÀNH KẾ TOÁN



11.1. Mô tả các học phần

1. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH, dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa, cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH, vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Qua đó, giúp sinh viên nhận diện và giải quyết các vấn đề chính trị - xã hội nảy sinh trong thực tiễn quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức khoa học về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu, chức năng của Kinh tế chính trị; Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Qua đó giúp sinh viên nhận thức được bản chất của các hiện tượng, quá trình kinh tế diễn ra trong xã hội, tạo lập cơ sở khoa học, nền tảng lý luận, phương pháp luận khoa học cho sinh viên trong hoạt động thực tiễn của bản thân.

3. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam bao gồm 4 chương: Giới thiệu cho sinh viên khái quát những nội dung cơ bản về sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam, quá trình hình thành và phát triển đường lối của Đảng qua từng thời kỳ và vai trò lãnh đạo của Đảng qua mỗi thời kỳ lịch sử, đặc biệt thời kỳ đổi mới đất nước. Hình thành cho sinh viên phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn về lịch sử của Đảng. Xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nâng cao vai trò tích cực, sáng tạo của bản thân.

4. Triết học Mác-Lênin

Học phần Triết học Mác - Lênin giới thiệu cho sinh viên khái quát những nội dung cơ bản về triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội, chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng cho sinh viên trong nhận thức và thực tiễn. Giúp sinh viên nhận thức đúng đắn các vấn đề của tự nhiên, xã hội và tư duy, hình thành quan điểm khoa học, xác định thái độ và cách thức hoạt động, nâng cao vai trò tích cực, sáng tạo của bản thân.

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương, giới thiệu cho sinh viên khái quát về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung, quan điểm cơ bản trong hệ thống tư tưởng của Người như: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người. Hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng cho sinh viên trong nhận thức và thực tiễn. Giúp sinh viên nhận thức đúng đắn các vấn đề của tự nhiên, xã hội và tư duy, hình thành quan điểm khoa học, lập trường cách mạng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

6. Pháp luật đại cương

Học phần Pháp luật đại cương giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung cũng như nhà nước và pháp luật Việt Nam nói riêng; về một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam như Hiến pháp (Luật Nhà nước), Luật hình sự và tố tụng hình sự, Luật dân sự và tố tụng dân sự, Luật hành chính, Luật lao động,... Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam, từ đó sống, học tập và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

7. Phương pháp nghiên cứu khoa học

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản như khái niệm khoa học, nghiên cứu khoa học, phương pháp thu thập dữ liệu và xử lý thông tin, trình bày luận điểm khoa học giúp cho sinh viên hình thành tư duy logic trong nghiên cứu khoa học. Từ đó, sinh viên biết xây dựng luận điểm, tìm kiếm luận cứ thông qua vận dụng các phương pháp thu thập thông tin và hoàn thiện về kỹ năng thuyết trình luận điểm khoa học.

8. Soạn thảo văn bản

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung về thể thức văn bản, sự cần thiết của công tác soạn thảo văn bản, kỹ thuật soạn thảo các văn bản thông thường như: công văn, tờ trình, quyết định, báo cáo, hợp đồng kinh tế, biên bản,... và công tác văn thư lưu trữ.

9. Tâm lý học đại cương

Nội dung học phần Tâm lý học đại cương bao gồm: Những vấn đề khái quát về tâm lý học với tư cách là một khoa học; cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lý người; sự hình thành và phát triển tâm lý ý thức; hoạt động nhận thức; ngôn ngữ và nhận thức; tình cảm và ý chí; nhân cách và các thuộc tính tâm lý của nhân cách.

10. Tiếng Anh 1

Học phần gồm 6 bài học về các chủ điểm: Tên và nghề nghiệp, con người, nơi chốn, gia đình, thể thao, sức khỏe, đồ ăn, quần áo, máy tính và internet,...

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các lĩnh vực:

Ngữ pháp: Cung cấp cho sinh viên kiến thức về động từ to be, đại từ nhân xưng; tính từ, đại từ sở hữu; giới từ chỉ thời gian, địa điểm; đại từ bất định... Phân biệt được các thời động từ: hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, phân biệt danh từ đếm được và không đếm được, các cấu trúc sử dụng với các dạng từ loại: can, have got, there is/are, like,... và một số loại câu hỏi dạng đảo và câu hỏi có từ để hỏi,...

Từ vựng: Cung cấp cho sinh viên từ loại về các chủ điểm liên quan đến nội dung bài học: Tên và nghề nghiệp, con người, nơi chốn, gia đình, thể thao, sức khỏe, đồ ăn, quần áo, máy tính và internet,...

Kỹ năng: Học phần luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ điểm bài học.

Kết cấu mỗi bài học gồm 4 phần, mỗi phần đều bao gồm 1 chủ đề về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp và phần luyện tập các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề từ vựng cũng như cấu trúc ngữ pháp đó. Kết thúc mỗi bài đều có phần củng cố và ôn tập lại toàn bộ nội dung bài học đó.

11. Tiếng Anh 2

Học phần gồm 6 bài học về các chủ điểm: Lễ hội, khoa học, công nghệ, công việc, văn hóa,...

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các lĩnh vực:

Ngữ pháp: Cung cấp cho sinh viên kiến thức về động từ to be và động từ thường trong quá khứ, cấu trúc so sánh, will và be going to, have to, mệnh lệnh thức, giới từ và thì hiện tại hoàn thành.

Từ vựng: Cung cấp cho sinh viên từ loại về các chủ điểm liên quan đến nội dung bài học: âm nhạc, lễ hội, công nghệ, phát minh, thời tiết, kì nghỉ, phương tiện giao thông, công việc, hoạt động, kĩ năng, thói quen văn hóa, chính trị,...

Kỹ năng: Học phần luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ điểm bài học.

Kết cấu mỗi bài học gồm 4 phần, mỗi phần đều bao gồm 1 chủ đề về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp và phần luyện tập các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề từ vựng cũng như cấu trúc ngữ pháp đó. Kết thúc mỗi bài đều có phần củng cố và ôn tập lại toàn bộ nội dung bài học đó.

12. Tiếng Anh 3

Học phần gồm 7 bài học được chia thành 7 chủ điểm. Mỗi chủ điểm tập trung luyện tập 1 hiện tượng ngữ pháp, từ vựng khác nhau tập trung vào các nội dung chính: nhóm từ cùng chủ đề, cách sử dụng của các loại động từ, giới từ, liên từ, trạng từ, các thì, sự hòa hợp của chủ ngữ với động từ, trợ từ, đại từ quan hệ, danh động từ, động từ nguyên thể.

Trên cơ sở các chủ điểm chính, mỗi bài học được chia thành 4 phần. Phần I: tổng hợp chung về 1 chủ điểm ngữ pháp, bài tập luyện tập củng cố. Phần II: Listening

Comprehension, tập trung luyện các kỹ năng Nghe mô tả tranh, Nghe câu hỏi và cách đáp lại câu hỏi, Nghe các đoạn hội thoại ngắn. Phần III: Reading Comprehension, tập trung luyện các kỹ năng đọc hoàn thành câu, đọc các đoạn văn về chủ điểm cuộc sống đời thường, đọc các lá thư giao dịch thương mại. Phần 4: Speaking, giới thiệu về một chủ đề nhất định, luyện tập kỹ năng nói. Mỗi bài học đều có phần củng cố và luyện tập toàn bộ nội dung bài học đó.

13. Tiếng Anh 4

Học phần gồm 24 bài học luyện kỹ năng nghe, đọc theo định dạng đề thi TOEIC về các chủ điểm: văn hóa, công nghệ, giao thông, công việc, văn hóa, du lịch, mua sắm và 2 bài thi theo định dạng TOEIC,...

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các lĩnh vực:

Ngữ pháp: Cung cấp cho sinh viên kiến thức về thì hiện tại, tương lai, quá khứ và thì hoàn thành,

Từ vựng: Cung cấp cho sinh viên cách mở rộng vốn từ dùng các tiền tố, hậu tố, phân biệt danh từ, động từ, tính từ, giới từ, liên từ... về các chủ điểm liên quan đến nội dung bài học: công nghệ, phương tiện giao thông, công việc, du lịch, mua sắm,...

Kỹ năng: Học phần luyện các kỹ năng nghe, đọc theo định dạng đề thi TOEIC. Kỹ năng nghe gồm 3 nội dung chính: nghe mô tả tranh, hỏi đáp và nghe đoạn hội thoại, đọc thoại, đoạn phỏng vấn. Kỹ năng đọc yêu cầu sinh viên hoàn thành câu, hoàn thành đoạn văn, đọc hiểu một hoặc hai đến 3 đoạn văn để trả lời câu hỏi. Các đoạn văn về nhiều chủ đề khác nhau dưới dạng thư tín, thư điện tử, thông báo, quảng cáo, các ghi chú hoặc các bài tiểu luận,...

14. Tiếng Anh chuyên ngành kế toán

Môn học Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán giúp học viên nâng cao trình độ Anh ngữ cũng như khả năng sử dụng tiếng Anh trong công việc kế toán một cách hiệu quả. Ngoài ra, môn học xây dựng nền tảng vững chắc về hệ thống từ chuyên ngành và kiến thức cơ bản ngành nghề kế toán giúp học viên thành công trong công việc sau khi tốt nghiệp.

Học phần Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán nâng cao khả năng nghe hiểu & đọc hiểu thông qua việc phân tích các cấu trúc câu ở các bài nghe, đọc có liên quan tới lĩnh vực kế toán đồng thời củng cố kỹ năng viết luận ở cấp độ cơ bản và nâng cao kỹ năng nói và thảo luận các kiến thức, tình huống liên quan tới công việc kế toán.

15. Tiếng Trung 1

Học phần gồm 13 bài cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau:

- Kỹ năng: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về phiên âm và chữ viết tiếng Trung: phát âm, cách đọc biến âm, phiên âm, cách viết các nét cơ bản, nét biến thể và quy tắc viết chữ Hán, luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết về các chủ điểm bài học.

- Từ vựng: Nội dung bài khóa cung cấp những từ mới, mẫu câu thường dùng trong giao tiếp sinh hoạt hàng ngày (chào hỏi, hỏi địa điểm, xác nhận tên đồ vật, hỏi họ tên, giới thiệu - làm quen, hỏi địa chỉ, món ăn, miêu tả đồ vật, gia đình,...

- Ngữ pháp: Kiến thức ngữ pháp trong mỗi bài từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp: cách sử dụng “们, 也, 都, 在, 给, 几, 多少”, cách đọc số tự nhiên và mã số, câu hỏi dùng “吗”, câu hỏi dùng đại từ nghi vấn, câu hỏi chính phủ, câu chữ “是”, câu chữ “有”, câu vị ngữ chủ vị, câu vị ngữ động từ, câu vị ngữ hình dung từ...

- Bài 1 đến bài 13 mỗi bài đều có kết cấu: bài khóa, từ mới, chú thích, ngữ âm, ngữ pháp và bài tập. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

16. Tiếng Trung 2

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các lĩnh vực:

Ngữ pháp: Cung cấp cho sinh viên kiến thức về câu vị ngữ chủ vị, câu hỏi dùng “呢”, câu hỏi lựa chọn dùng liên từ “还是”; câu chữ “有”; câu vị ngữ danh từ; câu hỏi lựa chọn; câu vị ngữ hai tân ngữ; câu liên động. Cách dùng cụm từ số lượng; từ hỏi số lượng “几, 多少”; liên từ “或者”; trạng ngữ chỉ thời gian; cấu trúc “又...又...”; động từ lặp lại. Cách nói ngày tháng năm; giá tiền, số tự nhiên, sự tiến hành của động tác.

Từ vựng: Cung cấp cho sinh viên từ loại về các chủ điểm liên quan đến nội dung bài học: Miêu tả đồ vật, gia đình, mua quần áo, các hoạt động hàng ngày, các hoạt động đang diễn ra, các hoạt động ở bưu điện, thời gian (ngày tháng),...

Kỹ năng: Học phần luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết về các chủ điểm bài học.

Kết cấu mỗi bài học gồm 6 phần, bài khóa, từ mới, ngữ pháp, kỹ năng và bài tập. Kiến thức mỗi phần đều từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện từ vựng, ngữ pháp đồng thời củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

17. Tiếng Trung 3

- Nội dung các bài cung cấp cho sinh viên các từ vựng liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hàng ngày như đi mua đồ, các hoạt động hàng ngày, các hoạt động đang diễn ra, đến bưu điện, nói sở thích, cách biểu đạt thời gian thời gian.

- Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp: cách nói ngày tháng năm - giờ, cách nói giá tiền, câu vị ngữ danh từ, câu hỏi lựa chọn, câu hai tân ngữ, câu liên động, câu kiêm ngữ, sự tiến hành của động tác, động từ lặp lại, cấu trúc “又...又...”

- Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

18. Tiếng Trung 4

Học phần gồm 6 bài, mỗi bài gồm bốn phần:

- 一、 Bài khóa: Nội dung các bài hội thoại về một vài chủ đề giao tiếp trong cuộc sống hàng ngày.
- 二、 Từ mới: Cung cấp các từ mới có trong nội dung bài khóa
- 三、 Ngữ pháp: Cung cấp các hiện tượng ngữ
- 四、 Luyện tập: Hệ thống các bài tập từ đơn giản đến nâng cao để củng cố lại các kiến thức đã học có trong bài.

19. Tiếng Trung 5

Mỗi bài gồm bốn phần:

- 一、 Bài khóa: Nội dung các bài hội thoại về một vài chủ đề giao tiếp trong cuộc sống hàng ngày.
- 二、 Từ mới: Cung cấp các từ mới có trong nội dung bài khóa
- 三、 Ngữ pháp: Cung cấp các hiện tượng ngữ
- 四、 Luyện tập: Hệ thống các bài tập từ đơn giản đến nâng cao để củng cố lại các kiến thức đã học có trong bài.

20. Tiếng Nhật 1

Học phần gồm 2 nội dung chính:

- Phần I: Chữ viết (Nhập môn Kana): Giới thiệu cách đọc, viết 2 bảng chữ Hiragana và Katakana, các âm ghép, âm ngắt, trường âm. Từ hai bảng chữ,
- Phần II: Ngữ pháp - Đọc hiểu và đàm thoại (bài 1 đến bài 4): Giới thiệu những điểm ngữ pháp cơ bản, sau mỗi chủ điểm ngữ pháp là phần luyện tập cơ bản để sinh viên có thể ứng dụng trong giao tiếp và cuộc sống hàng ngày và rèn kỹ năng đọc hiểu thông qua những bài đọc ngắn có nội dung đơn giản gần gũi với cuộc sống thường nhật như nói về bản thân, hỏi tên, xuất thân, nghề nghiệp của đối tượng giao tiếp, xác định và áp dụng được cách miêu tả đồ vật, nơi chốn, hỏi giá cả, thời gian.

21. Tiếng Nhật 2

Học phần gồm 4 bài học về các chủ đề: ngày tháng, thể thao, mua sắm, ăn uống và các chủ điểm ngữ pháp như cách đưa lời mời, cách nói sở thích, mô tả các hoạt động thường ngày của bản thân và đối tượng giao tiếp, các cách biểu thị sự đồng ý, tán thành, cách nói giờ giấc, ngày tháng. Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về động từ ở các thể -masu, -masen, -mashita, -masendeshita, -masenka, -masho, tính từ đuôi -i và tính từ đuôi -na, trợ từ dùng với động từ chỉ phương hướng chuyển động, trạng từ chỉ mức độ, tần suất.

22. Tiếng Nhật 3

Học phần giới thiệu những chủ điểm ngữ pháp cơ bản, sau mỗi chủ điểm ngữ pháp là phần luyện tập cơ bản các kỹ năng nghe hiểu, hội thoại để sinh viên có thể ứng dụng trong giao tiếp, trong cuộc sống hàng ngày và rèn kỹ năng đọc hiểu thông qua những bài đọc ngắn có nội dung đơn giản gần gũi với cuộc sống thường nhật như ẩm thực, giải trí, âm nhạc, thể thao, thời tiết, cảm xúc, mức độ, số lượng. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về động từ -iru, -aru biểu thị sự tồn tại, xuất hiện của người và sự vật, cách biến đổi tính từ, danh từ ở thì quá khứ, cấu trúc so sánh của tính từ, cách sử dụng trợ từ, giới từ chỉ vị trí.

23. Tiếng Nhật 4

Học phần gồm các nội dung về: Ngữ pháp - Đọc hiểu và đàm thoại (bài 13 đến bài 16): giới thiệu những điểm ngữ pháp cơ bản, sau mỗi điểm ngữ pháp là phần luyện tập cơ bản để sinh viên có thể ứng dụng trong giao tiếp, cuộc sống hàng ngày và rèn kỹ năng đọc hiểu thông qua những bài đọc ngắn có nội dung đơn giản gần gũi với cuộc sống thường nhật như liệt kê các hành động, giải thích nguyên nhân, lý do, kể lại các hoạt động đã thực hiện, hướng dẫn sử dụng các thiết bị, đồ dùng đơn giản, sinh hoạt trong khu phố, đi lại, hỏi đường. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về động từ ở các thể -tai, -te kudasai, -te imasu, -temo idesu, -tewa ikemasen, các trợ từ dùng với danh từ, động từ, tính từ.

24. Tiếng Nhật 5

Học phần gồm các nội dung về: Ngữ pháp - Đọc hiểu và đàm thoại (bài 17 đến bài 20): giới thiệu những điểm ngữ pháp cơ bản, sau mỗi điểm ngữ pháp là phần luyện tập cơ bản để sinh viên có thể ứng dụng trong giao tiếp, cuộc sống hàng ngày và rèn kỹ năng đọc hiểu thông qua những bài đọc ngắn có nội dung đơn giản gần gũi với cuộc sống thường nhật như cơ thể và bệnh tật, đi khám bác sĩ, sở thích, văn hóa truyền thống và giải trí, đưa lời mời một cách thân mật. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về cách phân biệt và sử dụng danh từ, động từ, tính từ ở các thể lịch sự và thể thông thường, các thể của động từ: thể khả năng -dekiru, thể bắt buộc -naide, thể nguyên dạng, thể -ta.

25. Toán ứng dụng C1

Học phần đề cập đến các vấn đề: Tập hợp, ánh xạ, số phức, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ, một số mô hình tuyến tính trong phân tích kinh tế, dạng toàn phương; Hàm một biến số: các khái niệm cơ bản về hàm một biến số và giới hạn, các mô hình hàm số trong phân tích kinh tế, ứng dụng của dãy số trong phân tích tài chính, hàm số liên tục, đạo hàm và vi phân, ứng dụng đạo hàm trong phân tích kinh tế.

26. Toán ứng dụng C2

Học phần đề cập đến các vấn đề: Tích phân của hàm một biến số, ứng dụng của

tích phân trong kinh tế học, phương trình vi phân cấp một, phương trình vi phân cấp hai, phân tích động trong kinh tế, phương trình sai phân cấp một, phương trình sai phân cấp hai, một số mô hình phương trình sai phân trong phân tích kinh tế: Hàm nhiều biến: các khái niệm cơ bản, giới hạn và tính liên tục của hàm hai biến, đạo hàm và vi phân, ứng dụng của đạo hàm riêng trong kinh tế học, hàm thuần nhất, hàm ẩn và ứng dụng trong kinh tế, cực trị của hàm nhiều biến, bài toán tối đa hóa lợi nhuận, sự lựa chọn của các nhà sản xuất.

27. Xác suất và thống kê

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về xác suất: biến cố ngẫu nhiên và xác suất, đại lượng ngẫu nhiên một chiều, đại lượng ngẫu nhiên hai chiều Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về thống kê toán: lý thuyết mẫu, ước lượng điểm, ước lượng khoảng, kiểm định giả thuyết thống kê, tương quan và hồi quy.

28. Tin học cơ bản 1

Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về máy tính, hệ điều hành Windows 7, lưu trữ thông tin trên máy tính, kết nối và sử dụng tài nguyên và các dịch vụ trên Internet, xử lý một số sự cố liên quan đến máy tính và mạng, các kiến thức cơ bản về cách soạn và trình bày văn bản trong thực tế yêu cầu.

29. Tin học cơ bản 2

Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về cách trình bày, tạo và xử lý dữ liệu bảng tính; xây dựng và trình chiếu bài thuyết trình để giải quyết các tình huống xảy ra trong thực tế.

30. Giáo dục thể chất 1

- Giáo dục thể chất 1 là học phần thuộc nhóm các học phần đại cương.
- Nhiệm vụ của học phần Giáo dục thể chất 1 là nhằm trang bị những kỹ năng, kỹ xảo vận động cơ bản, cần thiết trong cuộc sống và tri thức chuyên môn tương ứng.
- Thông qua quá trình học tập và rèn luyện kỹ thuật chạy cự ly ngắn. Người học phát triển tốt các tố chất vận động như sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo và khéo léo.

31. Giáo dục thể chất 2

- GDTC 2 là một học phần thuộc nhóm các học phần đại cương.
- Nhiệm vụ của học phần nhằm trang bị những kỹ năng kỹ xảo vận động cơ bản, cần thiết trong cuộc sống và tri thức chuyên môn tương ứng. Đồng thời phát triển các tố chất vận động như sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo và khéo léo cho người học.
- Trong học phần GDTC 2 sinh viên được lựa chọn và đăng ký học 1 trong các nội dung sau: bóng đá, bóng chuyền, bóng chuyền hơi, cầu lông, bóng rổ.

32. Giáo dục thể chất 3

- GDTC 3 là một học phần thuộc nhóm các học phần đại cương.

- Nhiệm vụ của học phần nhằm trang bị những kỹ năng kỹ xảo vận động cơ bản, cần thiết trong cuộc sống và tri thức chuyên môn tương ứng. Đồng thời phát triển các tố chất vận động như sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo và khéo léo cho người học.

- Trong học phần GDTC 3 sinh viên được tiếp tục học các môn thể thao đăng ký theo sở thích ở học phần GDTC 2.

33. Giáo dục quốc phòng – An ninh

Học phần GDQP&AN trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về quốc phòng và an ninh; truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc, lực lượng vũ trang nhân dân và nghệ thuật quân sự Việt Nam.

GDQP-AN góp phần giáo dục chính trị, tư tưởng sâu sắc, hình thành ý thức quốc phòng đúng đắn, nâng cao trách nhiệm công dân cho sinh viên đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc; giáo dục lòng tự hào về truyền thống vẻ vang của dân tộc, xây dựng ý thức tổ chức kỉ luật, nếp sống tập thể, cùng với các hoạt động khác góp phần đẩy lùi tiêu cực và tệ nạn xã hội. Hoàn thành tốt môn học giáo dục quốc phòng - an ninh là thể hiện niềm tin tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, quyết tâm đưa nghị quyết của Đảng, pháp luật Nhà nước vào cuộc sống, thắp sáng ngọn lửa truyền thống “Dựng nước đi đôi với giữ nước” của dân tộc.

34. Kỹ năng giao tiếp

Học phần kỹ năng mềm giao tiếp giới thiệu cho sinh viên khái quát những nội dung cơ bản về khái niệm, vai trò, các vấn đề cần thiết trong giao tiếp, các phương tiện và hình thức giao tiếp. Từ đó sinh viên biết vận dụng vào trong quá trình học tập, rèn luyện của bản thân và trong giao tiếp hàng ngày.

35. Kỹ năng làm việc nhóm

Học phần kỹ năng làm việc nhóm giới thiệu cho sinh viên khái quát những nội dung cơ bản về khái niệm, tầm quan trọng và các kỹ năng làm việc nhóm, sinh viên có được các kỹ năng về làm việc nhóm, từ đó biết vận dụng xây dựng và làm việc nhóm trong quá trình học tập và rèn luyện của bản thân.

36. Kỹ năng mềm thích ứng

Nội dung của học phần Kỹ năng mềm 3 giới thiệu cho sinh viên về khái niệm, vai trò của kỹ năng thích ứng; các biểu hiện của kỹ năng thích ứng với môi trường sống, trong học tập và môi trường làm việc của sinh viên; các giải pháp rèn luyện kỹ năng thích ứng. Hình thành cho sinh viên khả năng thích ứng, qua đó vận dụng trong học tập và trong cuộc sống.

37. Kỹ năng mềm lập kế hoạch - Tổ chức công việc và tổ chức sự kiện

Nội dung của học phần Kỹ năng lập kế hoạch - Tổ chức công việc và tổ chức sự

kiện giới thiệu cho sinh viên về khái niệm, vai trò của kỹ năng lập kế hoạch - tổ chức công việc và tổ chức sự kiện. Các nguyên tắc, phương pháp lập kế hoạch, quy trình tổ chức sự kiện, phân biệt các loại sự kiện và ý nghĩa tổ chức sự kiện. Hình thành cho sinh viên kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức công việc và tổ chức sự kiện, qua đó sinh viên vận dụng lập kế hoạch trong học tập, rèn luyện, trong cuộc sống và tổ chức được một số sự kiện.

38. Kỹ năng tìm kiếm việc làm

Nội dung học phần Kỹ năng tìm kiếm việc làm giới thiệu cho sinh viên về khái niệm, kỹ năng tìm kiếm việc làm, kỹ năng chuẩn bị hồ sơ xin việc, trả lời phỏng vấn tuyển dụng và các bước chuẩn bị cho công việc mới. Từ đó, sinh viên phát huy hiệu quả các kiến thức đã học để phát triển tiềm năng cá nhân, đáp ứng với nhu cầu việc làm của thực tiễn.

39. Kỹ năng tư duy sáng tạo – phản biện

Nội dung của học phần Kỹ năng mềm 7 nhằm giới thiệu cho sinh viên về khái niệm, đặc điểm, lợi ích của kỹ năng tư duy sáng tạo, tư duy phản biện, các bước và phương pháp tư duy sáng tạo, tư duy phản biện. Hình thành cho sinh viên tư duy sáng tạo và tư duy phản biện, qua đó sinh viên có thể vận dụng trong học tập, rèn luyện và các tình huống thực tế xảy ra trong cuộc sống.

40. Kỹ năng phát triển cá nhân và sự nghiệp

Học phần kỹ năng mềm 7 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: khái niệm và vai trò của kỹ năng phát triển cá nhân, những yếu tố cần thiết để phát triển cá nhân: phát triển tầm nhìn cá nhân, lên kế hoạch phát triển cá nhân, bắt đầu quá trình thay đổi, ghi lại quá trình phát triển bản thân của mình; khái niệm phát triển sự nghiệp cá nhân, thiết lập mục tiêu dài hạn cho phát triển sự nghiệp của cá nhân và xây dựng định hướng cho sự nghiệp hiện tại. Từ đó sinh viên biết vận dụng vào trong quá trình học tập, rèn luyện của bản thân và trong sự nghiệp sau khi ra trường.

41. Kỹ năng lãnh đạo

Học phần kỹ năng lãnh đạo cung cấp những kiến thức cơ bản về khái niệm và vai trò của lãnh đạo đối với tổ chức và xã hội; các nguyên tắc trong lãnh đạo: có tinh thần hợp tác, hiểu rõ về bản thân, tự kiểm soát, phẩm chất đạo đức, không ngừng học hỏi, tinh thần cạnh tranh, sáng tạo, dám nghĩ dám làm và chịu trách nhiệm; các kỹ năng lãnh đạo hiệu quả: quản lý sự biến động, truyền cảm hứng và trao quyền, ứng xử và giao tiếp, truyền thông, tự động viên, kiến thức chuyên môn/nghề nghiệp, xử lý thông tin và năng lực tư duy. Các phong cách lãnh đạo cơ bản: lãnh đạo ủy quyền, lãnh đạo dẫn đường, lãnh đạo chuyên quyền, lãnh đạo dân chủ, lãnh đạo phục vụ, lãnh đạo chuyển đổi, lãnh đạo giao dịch, lãnh đạo thuyết phục.

42. Chuẩn mực kế toán Việt Nam (3,2,1)

Nội dung học phần: trang bị kiến thức về việc hướng dẫn các nguyên tắc cơ bản trong hạch toán kế toán từng trường hợp cụ thể: kế toán vốn bằng tiền, các phương pháp tính giá trong kế toán hàng tồn kho, các quy định về việc lập và gửi báo cáo tài chính

43. Marketing căn bản

Học phần Marketing căn bản cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành và phát triển của marketing, quá trình hình thành hệ thống thông tin marketing, hoạt động nghiên cứu marketing, sự tác động của môi trường đến hoạt động marketing và quá trình triển khai các công cụ của marketing – mix: sản phẩm, giá cả, phân phối và xúc tiến hỗn hợp.

44. Kinh tế vi mô

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kinh tế học vi mô như: Vấn đề khan hiếm; chi phí cơ hội; những vấn đề kinh tế cơ bản của doanh nghiệp; quy luật cung cầu; nguyên tắc lựa chọn của người tiêu dùng; lựa chọn sản xuất trong ngắn hạn và dài hạn của các loại hình doanh nghiệp; vấn đề cơ bản về thị trường các yếu tố sản xuất như vốn, lao động, đất đai; vai trò của chính phủ trong việc giải quyết những thất bại của kinh tế thị trường.

45. Kinh tế vĩ mô

Học phần kinh tế vĩ mô nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự vận động của các biến số kinh tế vĩ mô. Rèn luyện cho sinh viên khả năng phân tích lý thuyết và nhận biết định lượng về sự biến động của các hiện tượng này và quá trình biến đổi kinh tế trong một nền kinh tế thị trường. Học phần sẽ trang bị những kiến thức cơ bản về chính sách vĩ mô của nhà nước. Giúp sinh viên hiểu và vận dụng được

46. Luật kinh tế

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về pháp luật điều chỉnh trong lĩnh vực kinh doanh làm cơ sở cho việc nghiên cứu các luật chuyên ngành tài chính, ngân hàng, luật thương mại cũng như các chế định pháp lý cơ bản điều chỉnh cơ cấu tổ chức, hoạt động và quản lý các loại hình doanh nghiệp. Nội dung bao gồm: Địa vị pháp lý của các loại hình doanh nghiệp, doanh nghiệp Nhà nước, công ty cổ phần, công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp tư nhân, chế độ pháp lý về hợp đồng, cách thức ký kết và đảm bảo thực hiện hợp đồng, pháp luật về phá sản và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, pháp luật về tài chính.

47. Lý thuyết tài chính (2,2,0)

Môn học Lý thuyết tài chính nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự ra đời, tồn tại và phát triển của tài chính, về các khâu trong hệ thống tài chính như: Ngân sách Nhà nước, Tài chính doanh nghiệp, các tổ chức tài chính trung gian như: Bảo hiểm, tín dụng, về Thị trường tài chính và Tài chính quốc tế.

48. Lý thuyết thống kê (3,2,1)

Thống kê học là một môn khoa học xã hội, nó phản ánh bản chất, tính qui luật của hiện tượng, thông qua các con số, các biểu hiện về lượng của hiện tượng. Học phần Nguyên lý thống kê cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận cũng như các phương pháp tính toán, phân tích cơ bản trong thống kê.

49. Đề án Nguyên lý kế toán

Học phần này rèn luyện cho sinh viên có cách nhìn tổng quan về hệ thống ghi chép ban đầu của kế toán, đó là phương pháp chứng từ kế toán, phương pháp tài khoản kế toán, phương pháp tính giá và phương pháp tổng hợp cân đối kế toán, giúp sinh viên kết hợp được giữa lý luận và thực tiễn trong học phần nguyên lý kế toán A, làm cơ sở để sinh viên làm tốt hơn các học phần về kế toán khác.

50. Kế toán quản trị

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân loại chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm; các phương pháp xác định chi phí và giá thành sản phẩm; mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận; các thông tin của kế toán quản trị với việc ra quyết định ngắn hạn, dài hạn và phân tích tài chính doanh nghiệp.

51. Kiểm toán căn bản

Trang bị kiến thức cơ bản về hoạt động kiểm toán, kiểm toán là gì, các khái niệm cơ bản trong kiểm toán, gian lận, sai sót, trọng yếu, rủi ro, các bước trong kiểm toán, khái niệm kiểm toán viên, các chuẩn mực kiểm toán, các báo cáo kết quả kiểm toán, các ý kiến có thể đưa ra trong báo cáo kiểm toán.

52. Nguyên lý kế toán

Nguyên lý kế toán là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc, vai trò của kế toán và các phương pháp kế toán, vận dụng các phương pháp kế toán vào hạch toán các quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Giúp sinh viên có kiến thức tổng quát về kế toán, là nền tảng cho các môn học kế toán.

53. Phân tích báo cáo tài chính

Phân tích báo cáo tài chính nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về mục tiêu, chức năng, đối tượng của phân tích báo cáo tài chính. Hệ thống các báo cáo tài chính hiện hành của doanh nghiệp. Phân tích tình hình nguồn vốn, chính sách tài trợ, phân tích cơ cấu đầu tư. Phân tích sự biến động và cơ cấu vốn. Phân tích tiềm lực tài chính của doanh nghiệp. Phân tích và dự báo rủi ro về tài chính trong doanh nghiệp. Dự báo tình hình tài chính, phân tích khả năng sinh lời, tăng trưởng và định giá doanh nghiệp.

54. Quản trị tài chính

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị vốn cố định, vốn lưu động; chi phí, doanh thu, lợi nhuận của doanh nghiệp; nguồn vốn và các

công cụ huy động vốn của doanh nghiệp, cơ cấu nguồn vốn và chi phí sử dụng vốn; giá trị theo thời gian của tiền, tỷ suất sinh lời và rủi ro; đầu tư dài hạn của doanh nghiệp và phân tích tài chính doanh nghiệp.

55. Luật kế toán

Nội dung học phần: trang bị kiến thức cơ bản về luật kế toán Việt nam, bao gồm các quy định về việc tổ chức bộ máy kế toán, sử dụng chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán, phương pháp ghi sổ kế toán, các cách sửa chữa sai sót trong kế toán, việc sử dụng, lập và gửi các báo cáo tài chính, các công tác kiểm tra kế toán, kiểm kê tài sản và các quy định khác liên quan đến công tác kế toán trong doanh nghiệp.

56. Thống kê kinh tế

Thống kê kinh tế cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về thống kê trong doanh nghiệp. Thông qua các số liệu thống kê từng lĩnh vực cụ thể của doanh nghiệp sinh viên có thể đưa ra các phân tích, nhận xét và các giải pháp giúp doanh nghiệp hoạt động kinh doanh có hiệu quả hơn.

57. Kế toán doanh nghiệp thương mại và dịch vụ

Môn học Kế toán thương mại và dịch vụ cung cấp cho sinh viên kiến thức chủ yếu về kế toán doanh nghiệp thương mại và kế toán xây dựng cơ bản trong doanh nghiệp như: kế toán nghiệp vụ mua hàng, kế toán nghiệp vụ bán hàng, xác định kết quả kinh doanh, kế toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản, kế toán quá trình đầu tư xây dựng cơ bản và quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong doanh nghiệp.

58. Kế toán thuế

Môn học trang bị cho sinh viên các nguyên tắc kế toán, phương pháp hạch toán, quyết toán và lập tờ khai các loại thuế như thuế: Giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, xuất nhập khẩu, thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp... phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

59. Kế toán chi phí

Kế toán chi phí cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chi phí sản xuất của doanh nghiệp, các phương pháp phân bổ chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang và các phương pháp tính giá thành sản phẩm.

60. Thuế

Trang bị kiến thức cơ bản về thuế nhà nước bao gồm: thuế giá trị gia tăng; thuế xuất, nhập khẩu; thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập cá nhân và thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế tài sản; phí và lệ phí.

61. Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp

Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán trong doanh nghiệp cũng như các phương pháp ghi chép sổ sách kế toán ở từng phân hệ kế toán: Kế toán vốn bằng tiền,

kế toán tài sản và đầu tư, kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ, kế toán bán hàng, kế toán xác định kết quả và lập báo cáo tài chính.

62. Kế toán doanh nghiệp A1

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về định khoản và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ kế toán có liên quan đến kế toán tiền mặt tại quỹ, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính trong doanh nghiệp.

63. Kế toán doanh nghiệp A2

Kế toán doanh nghiệp A2 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nội dung, nguyên tắc hạch toán, tài khoản sử dụng, phương pháp hạch toán và phương pháp ghi sổ đối với kế toán tài sản cố định, các khoản đầu tư tài chính dài hạn; kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ.

64. Kế toán doanh nghiệp A3

Kế toán tài chính nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.

65. Kế toán doanh nghiệp A4

Kế toán tài chính nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về kế toán thành phẩm, tiêu thụ, xác định kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận, kế toán nguồn vốn chủ sở hữu và các khoản nợ phải trả, phương pháp lập báo cáo tài chính doanh nghiệp.

66. Lập báo cáo tài chính

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lập báo cáo tài chính như: nội dung của lập báo cáo tài chính, các loại báo cáo tài chính, nguyên tắc lập, thời hạn nộp báo cáo tài chính, nơi nộp báo cáo tài chính. Các phương pháp lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp trực tiếp và phương pháp gián tiếp, phương pháp lập bảng cân đối kế toán đối với doanh nghiệp hoạt động liên tục và doanh nghiệp hoạt động không liên tục, phương pháp lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ..Từ đó giúp sinh viên lập được báo cáo tài chính doanh nghiệp cung cấp thông tin tư vấn cho các nhà quản lý doanh nghiệp.

67. Kế toán tin doanh nghiệp sản xuất

Trang bị những kiến thức cơ bản về cách sử dụng kế toán máy trong doanh nghiệp sản xuất, giúp sinh viên có thể tiếp cận được cách làm kế toán bằng phần mềm tại các doanh nghiệp. Nội dung bao gồm: Cập nhật danh mục các đối tượng vào phần mềm, kế toán hàng tồn kho, kế toán lương, kế toán tài sản cố định, kế toán tiền, kế toán giá thành và kế toán xác định kết quả sản xuất tại các doanh nghiệp sản xuất.

68. Kế toán doanh nghiệp nông nghiệp

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về đặc điểm hạch toán kế toán trong doanh nghiệp nông nghiệp, kế toán vốn bằng tiền, kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ, kế toán tài sản cố định, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, kế toán tiêu thụ, xác định kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận, kế toán nguồn vốn chủ sở hữu và các khoản nợ phải trả, phương pháp lập báo cáo tài chính của doanh nghiệp nông nghiệp.

69. Thị trường chứng khoán

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của thị trường chứng khoán như chức năng, công cụ, mục tiêu, cơ chế điều hành và giám sát thị trường chứng khoán; các phương thức hoạt động của thị trường chứng khoán sơ cấp và thứ cấp; các phương pháp phân tích và khả năng đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán; một số nội dung cơ bản về thị trường trái phiếu quốc tế và việc phát hành trái phiếu quốc tế.

70. Bảo hiểm

Bảo hiểm là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bảo hiểm, các loại bảo hiểm :Bảo hiểm xã hội; Bảo hiểm thương mại; Bảo hiểm hàng hoá xuất nhập khẩu bằng đường biển; Bảo hiểm thân tàu thuỷ; Bảo hiểm xa cơ giới; Bảo hiểm nông nghiệp; Bảo hiểm cháy; Bảo hiểm con người; Bảo hiểm thất nghiệp.

71. Kế toán hành chính sự nghiệp

Nội dung môn học Kế toán hành chính sự nghiệp cung cấp cho sinh viên kiến thức chủ yếu về kế toán công trong các đơn vị hành chính sự nghiệp như: Kế toán tiền, vật tư, sản phẩm, hàng hóa, kế toán tài sản cố định, kế toán các nghiệp vụ thanh toán, kế toán nguồn kinh phí, vốn, kế toán các khoản thu, chi và quyết toán kinh phí

72. Kế toán xây dựng cơ bản

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về đặc điểm hạch toán kế toán trong xây dựng cơ bản, phương pháp hạch toán kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tập hợp chi phí và các phương pháp ghi sổ theo các hình thức kế toán trong hoạt động xây dựng cơ bản.

73. Nghiệp vụ kế toán ngân hàng

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ kế toán ngân hàng thương mại như: tổ chức công tác kế toán trong ngân hàng, nghiệp vụ huy động vốn, nghiệp vụ tín dụng, thanh toán không dùng tiền mặt, thanh toán qua ngân hàng, kinh doanh ngoại tệ và thanh toán quốc tế, tài sản cố định và công cụ lao động, kế toán vốn chủ sở hữu và kết quả kinh doanh của ngân hàng thương mại.

74. Đề án Kế toán doanh nghiệp 1

Học phần này rèn luyện cho sinh viên có cách nhìn tổng quan về kế toán tại các doanh nghiệp và nghiên cứu sâu hơn các phần hành kế toán trong doanh nghiệp, giúp

sinh viên kết hợp được giữa lý luận và thực tiễn trong môn học kế toán doanh nghiệp, làm cơ sở để sinh viên làm tốt hơn các chuyên đề và khóa luận tốt nghiệp.

75. Đề án Kế toán doanh nghiệp 2

Học phần Đề án kế toán doanh nghiệp 2 nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức tổng quan về tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh, tổ chức công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, tiêu thụ sản phẩm, xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong các doanh nghiệp. Giúp sinh viên kết hợp được giữa lý luận và thực tiễn trong học phần Kế toán doanh nghiệp A3 và Kế toán doanh nghiệp A4, làm cơ sở để sinh viên làm tốt

76. Phân tích hoạt động kinh tế

Môn học cung cấp : Phân tích hoạt động kinh doanh là môn học nghiên cứu quá trình sản xuất kinh doanh, bằng những phương pháp liên kết, kết hợp với các lý thuyết kinh tế và phương pháp khác nhằm đến việc phân tích, đánh giá tình hình kinh doanh và những nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh....

77. Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ

Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kế toán vốn bằng tiền, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán nguyên vật liệu, kế toán tài sản cố định, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, kế toán doanh thu, xác định kết quả kinh doanh và phương pháp lập báo cáo tài chính trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

78. Thực tập chuyên đề

Thực tập chuyên đề là học phần nhằm tạo điều kiện cho sinh viên ngành Kế toán có cơ hội tiếp cận với bộ máy quản trị doanh nghiệp, tìm hiểu về cơ chế hoạt động, quy định chung tại đơn vị thực tập, cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành, nhân sự, bộ máy kế toán, làm quen với thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị thực tập

79. Thực tập tốt nghiệp

Học phần Thực tập tốt nghiệp giúp cho sinh viên củng cố những kiến thức lý thuyết, kỹ năng đã được học tập ở nhà trường; Vận dụng kiến thức đã học vào công tác kế toán thực tế tại cơ sở sản xuất, doanh nghiệp; Tạo điều kiện cho sinh viên ngành Kế toán có cơ hội tiếp cận với môi trường làm việc, phương thức tổ chức sản xuất, quản lý điều hành, tổ chức bộ máy kế toán tại đơn vị thực tập; Rèn luyện khả năng giao tiếp, làm việc độc lập, làm việc nhóm và chịu trách nhiệm trong công việc.

80. Khóa luận tốt nghiệp

Học phần khóa luận tốt nghiệp giúp sinh viên nâng cao các khối kiến thức và kỹ năng đã được trang bị tại trường và phát huy sở trường của mình trong công trình nghiên cứu khoa học. Học phần giúp sinh viên hệ thống hóa kiến thức, kỹ năng và vận dụng chúng trong đề tài khóa luận tốt nghiệp một cách có khoa học và sáng tạo. Rèn

luyện nâng cao khả năng tư duy, đặt vấn đề và giải quyết vấn đề một cách độc lập và sáng tạo. Rèn cho sinh viên tính tự vận động, độc lập trong nghiên cứu và phát huy sở trường của mình trong công trình nghiên cứu khoa học.

81. Kế toán ngân sách và tài chính xã

Điều kiện tiên quyết: Học xong môn nguyên lý kế toán, Kế toán doanh nghiệp A1, A2, A3

Kế toán ngân sách và tài chính xã là môn khoa học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nội dung công tác kế toán, tổ chức kế toán và tổ chức bộ máy kế toán ngân sách và tài chính xã thông qua các phân hành kế toán cụ thể. Đồng thời, cũng cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lập và phân tích báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán ngân sách và tài chính xã.

82. Kế toán quốc tế

Môn Kế toán quốc tế cung cấp cho sinh viên những kiến thức kế toán căn bản theo hệ thống kế toán Mỹ bao gồm những nội dung: Đặc điểm của kế toán Mỹ; Chu trình kế toán Mỹ; Kế toán hàng tồn kho; Kế toán tài sản ngắn hạn; Kế toán tài sản dài hạn; Kế toán nợ phải trả; Kế toán vốn chủ sở hữu; Kế toán các hoạt động mua bán trong doanh nghiệp thương mại.

83. Đề án kế toán thuế

Học phần này rèn luyện cho sinh viên có kỹ năng xác định các loại thuế phải nộp, hạch toán, kê khai và quyết toán các loại thuế phát sinh trong doanh nghiệp đúng quy định hiện hành. Sinh viên hình thành kỹ năng phân tích và đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật về thuế của doanh nghiệp.

84. Kiểm toán báo cáo tài chính

Điều kiện tiên quyết: Kiểm toán căn bản, kế toán doanh nghiệp

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cách lập kế hoạch kiểm toán, kiểm toán mua hàng, bán hàng, kiểm toán tiền lương, tài sản cố định, kiểm toán chu kỳ hàng tồn kho, kiểm toán huy động vốn, kiểm toán báo cáo tài chính...

11.2. Đề cương chi tiết học phần (có phụ lục kèm theo)

12. DANH SÁCH ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học/học phần sẽ giảng dạy
1.	Nguyễn Minh Tuấn	1977	Tiến sĩ Tài chính ngân hàng	1. Thị trường chứng khoán 2. Phân tích báo cáo tài chính
2.	Trần Thị Hằng	1988	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	1. Phương pháp nghiên cứu khoa học

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học/học phần sẽ giảng dạy
3.	Nguyễn Thị Ngọc Mai	1988	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	1. Phương pháp nghiên cứu khoa học 2. Luật kinh tế 3. Marketing căn bản
4.	Ngô Thị Luyện	1983	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	1. Kinh tế vi mô 2. Kinh tế vĩ mô 3. Phương pháp nghiên cứu khoa học 4. Marketing căn bản
5.	Vũ Thị Hương	1984	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	1. Soạn thảo văn bản 2. Khởi nghiệp kinh doanh
6.	Nguyễn Thị Huế	1985	Thạc sĩ Quản lý kinh tế	1. Khởi nghiệp kinh doanh 2. Soạn thảo văn bản
7.	Nguyễn Thị Thuỷ	1986	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	1. Luật kinh tế 2. Lý thuyết thống kê 3. Thống kê doanh nghiệp
8.	Đinh Thị Kim Thiết	1980	Thạc sĩ Kế toán	1. Kế toán doanh nghiệp (A1, A2, A3, A4) 2. Kế toán ngân sách và tài chính xã 3. Kế toán doanh nghiệp nông nghiệp 4. Kế toán HCSN 5. Đề án KT thuế 6. Đề án KTDN 1, 2 7. Luật kế toán
9.	Nguyễn Thị Quỳnh	1986	Thạc sĩ Kế toán	1. Kế toán DN vừa và nhỏ 2. Đề án KTDN 1, 2 3. Kế toán doanh nghiệp (A1, A2, A3, A4) 4. Lập báo cáo tài chính 5. Kế toán thuế 6. Kế toán xây dựng cơ bản 7. Chuẩn mực KTVN 8. Kế toán thương mại dịch vụ
10.	Vũ Thị Thanh Thuỷ	1984	Thạc sĩ Kế toán	1. Thuế 2. Nguyên lý kế toán 3. Kế toán chi phí 4. Kiểm toán báo cáo tài chính 5. Kiểm toán căn bản 6. Kế toán tin trong DNSX 7. Kế toán TM và DV

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học/học phần sẽ giảng dạy
11.	Vũ Thị Lý	1985	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	1. Nguyên lý kế toán 2. Kế toán quốc tế 3. Kế toán doanh nghiệp (A1, A2, A3, A4) 4. Kế toán quản trị 5. Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp 6. Kế toán chi phí 7. Đề án KTDN 1, 2
12.	Lương Thị Hoa	1989	Thạc sĩ Tài chính ngân hàng	1. Lý thuyết tài chính 2. Thị trường chứng khoán 3. Bảo hiểm 4. Phân tích HĐKT 5. Quản trị tài chính 6. Kiểm toán báo cáo tài chính 7. Phân tích BCTC
13.	Nguyễn Thị K. Nguyễn	1974	Tiến sĩ Kinh tế	1. Kinh tế vi mô 2. Kinh tế vĩ mô 3. Tư tưởng Hồ Chí Minh
14.	Nguyễn Việt Tuấn	1983	Tiến sĩ Toán học	1. Xác suất thống kê 2. Toán ứng dụng C1 3. Toán ứng dụng C2
15.	Nguyễn Thị Diệp Huyền	1980	Thạc sĩ Toán học	1. Xác suất thống kê 2. Toán ứng dụng C1 3. Toán ứng dụng C2
16.	Nguyễn Thị Huệ	1985	Thạc sĩ Toán học	1. Xác suất thống kê 2. Toán ứng dụng C1 3. Toán ứng dụng C2
17.	Nguyễn Thị Hồng	1986	Thạc sĩ Toán học	1. Xác suất thống kê 2. Toán ứng dụng C1 3. Toán ứng dụng C2
18.	Nguyễn Kiều Hiên	1986	Thạc sĩ Toán học	1. Xác suất thống kê 2. Toán ứng dụng C1 3. Toán ứng dụng C2
19.	Đặng Thị Minh Phương	1979	Thạc sĩ Tiếng Anh	1. Tiếng Anh 1 2. Tiếng Anh 2 3. Tiếng Anh 3
20.	Vũ Thị Lương	1978	Thạc sĩ Tiếng Anh	1. Tiếng Anh 1 2. Tiếng Anh 2 3. Tiếng Anh 3 4. Tiếng Anh 4 5. Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán
21.	Ngô Thị Mỹ Bình	1984	Thạc sĩ	1. Tiếng Anh 1

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học/học phần sẽ giảng dạy
			Tiếng Anh	2. Tiếng Anh 2 3. Tiếng Anh 3 4. Tiếng Anh 4 5. Tiếng Anh CN Kế toán
22.	Trịnh Thị Chuyên	1981	Thạc sĩ Tiếng Anh	1. Tiếng Anh 1 2. Tiếng Anh 2 3. Tiếng Anh 3 4. Tiếng Anh 4 5. Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán
23.	Trần Hoàng Yến	1982	Thạc sĩ Tiếng Anh	1. Tiếng Anh 1 2. Tiếng Anh 2 3. Tiếng Anh 3 4. Tiếng Anh 4
24.	Tăng Thị Hồng Minh	1985	Thạc sĩ Tiếng Anh	1. Tiếng Anh 1 2. Tiếng Anh 2 3. Tiếng Anh 3 4. Tiếng Anh 4
25.	Trần Thị Mai Hương	1985	Thạc sĩ Tiếng Anh	1. Tiếng Anh 1 2. Tiếng Anh 2 3. Tiếng Anh 3 4. Tiếng Anh 4 5. Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán
26.	Phạm Thị Huyền Trang	1988	Thạc sĩ Tiếng Anh	1. Tiếng Anh 1 2. Tiếng Anh 2 3. Tiếng Anh 3 4. Tiếng Anh 5
27.	Đặng Thị Thanh	1979	Thạc sĩ Tiếng Anh	1. Tiếng Anh 1 2. Tiếng Anh 2 3. Tiếng Anh 3 4. Tiếng Anh 4 5. Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán
28.	Nguyễn Thị Hoa	1981	Thạc sĩ Tiếng Trung	Tiếng Trung 1, 2, 3, 4, 5
29.	Nguyễn Thị Lan	1980	Thạc sĩ Tiếng Trung	Tiếng Trung 1, 2, 3, 4, 5
30.	Bùi Thị Trang	1987	Thạc sĩ Tiếng Trung	Tiếng Trung 1, 2, 3, 4, 5
31.	Nguyễn Thị Xuyên	1989	Thạc sĩ Tiếng Trung	Tiếng Trung 1, 2, 3, 4, 5
32.	Đặng Thị Thanh	1979	Thạc sĩ Tiếng Anh, tiếng Nhật	1. Tiếng Nhật 1, 2, 3, 4, 5 2. Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học/học phần sẽ giảng dạy
33.	Phạm Thị Hồng Hoa	1977	Tiến sĩ Kinh tế	1. Kỹ năng mềm 2. Chủ nghĩa xã hội khoa học 3. Kinh tế chính trị Mác-Lênin
34.	Nguyễn Thị Nhan	1987	Tiến sĩ CNXH khoa học	1. Chủ nghĩa xã hội khoa học. 2. Triết học Mác - Lênin
35.	Phùng Thị Lý	1982	Tiến sĩ CNXH khoa học	1. Chủ nghĩa xã hội khoa học. 2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin. 3. Triết học Mác – Lênin 4. Kỹ năng mềm
36.	Vũ Văn Đông	1982	Tiến sĩ Kinh tế chính trị	1. Kinh tế chính trị Mác - Lênin 2. Chủ nghĩa xã hội khoa học 3. Kỹ năng mềm 4. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam
37.	Hà Đình Soát	1981	Thạc sĩ KH giáo dục	1. Giáo dục thể chất 1, 2, 3
38.	Nguyễn Đức Thuần	1989	Thạc sĩ KH giáo dục	1. Giáo dục thể chất 1, 2, 3
39.	Quán Thanh Tùng	1990	Thạc sĩ SPTDTT	1. Giáo dục thể chất 1, 2, 3
40.	Vũ Tiến Hiếu	1986	Thạc sĩ QLTDĐT	1. Giáo dục thể chất 1, 2, 3
41.	Phạm Anh Dũng	1981	Thạc sĩ SPTDTT	1. Giáo dục thể chất 1, 2, 3
42.	Phạm Xuân Đức	1980	Thạc sĩ Triết học	1. Pháp luật đại cương 2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin 3. Triết học Mác - Lênin 4. Tư tưởng Hồ Chí Minh 5. Kỹ năng mềm
43.	Nguyễn Thị Hiền	1985	Thạc sĩ Triết học	1. Pháp luật đại cương 2. Chủ nghĩa xã hội khoa học. 3. Triết học Mác - Lênin 4. Kỹ năng mềm
44.	Trần Thị Hồng Nhung	1979	Thạc sĩ Triết học	1. Chủ nghĩa xã hội khoa học 2. Kinh tế chính trị Mác -

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học/học phần sẽ giảng dạy
				Lênin 3. Triết học Mác - Lênin 4. Kỹ năng mềm
45.	Phạm Văn Dự	1984	Tiến sĩ Triết học	1. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 2. Triết học Mác - Lênin 3. Kỹ năng mềm
46.	Phạm Thị Mai	1982	Thạc sĩ Luật học	1. Pháp luật đại cương 2. Kỹ năng mềm
47.	Nguyễn Mạnh Tường	1977	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	1. Pháp luật đại cương 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh 3. Kinh tế chính trị Mác - Lênin 4. Kỹ năng mềm
48.	Nguyễn Thị Hải Hà	1977	Thạc sĩ Lịch sử	1. Tư tưởng Hồ Chí Minh 2. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 3. Kỹ năng mềm
49.	Đỗ Thị Thuỳ	1985	Thạc sĩ Triết học	1. Pháp luật đại cương 2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin 3. Triết học Mác - Lênin 4. Kỹ năng mềm
50.	Nguyễn Thị Tĩnh	1987	Thạc sĩ Lịch sử	1. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh 3. Kỹ năng mềm 4. Tâm lý học đại cương
51.	Đặng Thị Dung	1987	Thạc sĩ Lịch sử	1. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh 3. Kỹ năng mềm
52.	Hoàng Thị An	1987	Thạc sĩ KH máy tính	Tin học cơ bản 1,2
53.	Hoàng Thị Ngọc Diệp	1982	Thạc sĩ CNTT	Tin học cơ bản 1,2
54.	Phạm Văn Kiên	1979	Thạc sĩ CNTT	Tin học cơ bản 1,2
55.	Vũ Bảo Tạo	1979	Thạc sĩ Công nghệ phần mềm	Tin học cơ bản 1,2
56.	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	1981	Thạc sĩ Hệ thống thông tin	Tin học cơ bản 1,2

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học/học phần sẽ giảng dạy
57.	Phạm Thị Hương	1981	Thạc sĩ Công nghệ phần mềm	Tin học cơ bản 1,2
58.	Hoàng Thị Ngát	1985	Thạc sĩ KH học máy tính	Tin học cơ bản 1,2
59.	Nguyễn Phúc Hậu	1982	Tiến sĩ Truyền dữ liệu và mạng máy tính	Tin học cơ bản 1,2
60.	Nguyễn Thị Bích Ngọc	1989	Thạc sĩ Công nghệ thông tin	Tin học cơ bản 1,2

13. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

13.1. Phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm chính

STT	Tên phòng thực hành, thí nghiệm	Số lượng	Các trang thiết bị chính
1	Phòng kế toán tin	7	Máy tính FPT Elead M533 E7500
		6	Máy tính để bàn đồng bộ FPT E7500
		2	Máy tính FPT Elead S989 corei3
		8	Máy tính để bàn (Sing pc)
		1	Máy tính Elead E965 core i3 550-3-2
		1	Máy chiếu đa năng 3Mx76
		1	Bảng viết 1,5 x 4m
		1	Bình cứu hoả
		2	Bục giảng
		4	Quạt trần
		1	Điều hoà nhiệt độ Casper
		1	Điều hoà nhiệt độ Galanz
2	Phòng thực hành Quản trị	1	Ti vi Plasma sam sung p560 F5000
		1	Máy đếm tiền 2500
		3	Máy tính FPT Elead S989 core i3
		3	Máy tính FPT ELEAD core i3 3220
		6	Ghế khách hàng
		6	Ghế nhân viên
		1	Máy in LPB 2900
		1	Tủ mạng 19inch - 1020
		1	Switch plan net 16 cổng

STT	Tên phòng thực hành, thí nghiệm	Số lượng	Các trang thiết bị chính
		4	Ghế học sinh 2 chỗ ngồi
		6	Ghế học sinh 3 chỗ ngồi
		3	Quạt trần
		4	Quạt treo tường
		1	Bảng viết 1,5 x 2,5m
3	Phòng thực hành Kế toán	1	Ti vi Plasma sam sung p560 F5000
		1	Máy đếm tiền 2500
		3	Máy tính FPT Elead S989 core i3
		3	Máy tính FPT S989 core i3 3220
		1	Máy tính ELEAD E965 core i3 550-3-2
		7	Ghế khách hàng (chân quỳ khung mạ)
		7	Ghế nhân viên (xoay da màu đen)
		1	Máy in LPB 2900
		1	Tủ mạng 19inch - 1020
		1	Switch plan net 16 cổng
		4	Ghế học sinh 2 chỗ ngồi
		6	Ghế học sinh 3 chỗ ngồi
		3	Quạt trần
		4	Quạt treo tường
		1	Bảng viết 1,5 x 2,5m

13.2. Thư viện

Nhà trường có Trung tâm thông tin - thư viện với tổng diện tích 615m² với 300 chỗ đọc và trên 4.000 đầu sách tham khảo bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Các phòng chức năng được bố trí khoa học, thuận tiện cho lưu giữ và tìm kiếm tài liệu. Các phòng chức năng của Thư viện đều phục vụ tốt nhu cầu đọc, nghiên cứu, tra cứu của giảng viên và sinh viên. Phòng đọc - tra cứu tài liệu với không gian yên tĩnh, bố trí đủ chỗ ngồi và được trang bị điều hòa không khí, quạt mát. Phòng dữ liệu số được cấu hình 20 máy tính với phần mềm Libol. Thư viện số của Nhà trường có nguồn học liệu phong phú, được liên kết với thư viện của một số trường đại học trong nước nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH. Ngoài ra, tại trung tâm thực hành, thực nghiệm có bố trí nơi lưu trữ các nguồn học liệu chuyên ngành và không gian đọc, nghiên cứu để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, NCKH của giảng viên, sinh viên.

13.3. Giáo trình, tập bài giảng

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
I	Giáo trình, tài liệu lưu hành nội bộ			
1.	Chủ nghĩa xã hội khoa học		ĐH Sao Đỏ	2019
2.	Kinh tế chính trị Mác-Lênin		ĐH Sao Đỏ	2019
3.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		ĐH Sao Đỏ	2020
4.	Triết học Mác-Lênin		ĐH Sao Đỏ	2019
5.	Tư tưởng Hồ Chí Minh		ĐH Sao Đỏ	2020
6.	Pháp luật đại cương		ĐH Sao Đỏ	2020
7.	Phương pháp nghiên cứu khoa học		ĐH Sao Đỏ	2019
8.	Tâm lý học đại cương		ĐH Sao Đỏ	2020
9.	Khởi nghiệp kinh doanh		ĐH Sao Đỏ	2019
10.	Soạn thảo văn bản		ĐH Sao Đỏ	2020
1.	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán		ĐH Sao Đỏ	2019
11.	Toán ứng dụng C1		ĐH Sao Đỏ	2018
12.	Toán ứng dụng C2		ĐH Sao Đỏ	2018
13.	Xác suất và thống kê		ĐH Sao Đỏ	2020

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
14.	Tin học cơ bản 1		ĐH Sao Đỏ	2018
15.	Tin học cơ bản 2		ĐH Sao Đỏ	2018
16.	Chuẩn mực kế toán Việt Nam		ĐH Sao Đỏ	2019
17.	Marketing căn bản		ĐH Sao Đỏ	2019
18.	Kinh tế vi mô		ĐH Sao Đỏ	2020
19.	Kinh tế vĩ mô		ĐH Sao Đỏ	2020
20.	Luật kinh tế		ĐH Sao Đỏ	2019
21.	Lý thuyết tài chính		ĐH Sao Đỏ	2019
22.	Lý thuyết thống kê		ĐH Sao Đỏ	2019
23.	Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ		ĐH Sao Đỏ	2019
24.	Kế toán quản trị		ĐH Sao Đỏ	2019
25.	Kế toán thuế		ĐH Sao Đỏ	2020
26.	Kiểm toán căn bản		ĐH Sao Đỏ	2019
27.	Nguyên lý kế toán		ĐH Sao Đỏ	2019
28.	Phân tích báo cáo tài chính		ĐH Sao Đỏ	2019
29.	Quản trị tài chính		ĐH Sao Đỏ	2019
30.	Kế toán chi phí		ĐH Sao Đỏ	2019
31.	Thuế		ĐH Sao Đỏ	2020
32.	Phân tích hoạt động kinh tế		ĐH Sao Đỏ	2019
33.	Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp		ĐH Sao Đỏ	2019
34.	Kế toán doanh nghiệp A1		ĐH Sao Đỏ	2019
35.	Kế toán doanh nghiệp A2		ĐH Sao Đỏ	2019
36.	Kế toán doanh nghiệp A3		ĐH Sao Đỏ	2019

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
37.	Kế toán doanh nghiệp A4		ĐH Sao Đỏ	2019
38.	Lập báo cáo tài chính		ĐH Sao Đỏ	2019
39.	Kế toán tin doanh nghiệp sản xuất		ĐH Sao Đỏ	2019
40.	Kế toán doanh nghiệp thương mại & dịch vụ		ĐH Sao Đỏ	2019
41.	Luật kế toán		ĐH Sao Đỏ	2019
42.	Thống kê kinh tế		ĐH Sao Đỏ	2020
43.	Kế toán doanh nghiệp nông nghiệp		ĐH Sao Đỏ	2019
44.	Thị trường chứng khoán		ĐH Sao Đỏ	2019
45.	Bảo hiểm		ĐH Sao Đỏ	2019
46.	Kế toán hành chính sự nghiệp		ĐH Sao Đỏ	2019
47.	Kế toán xây dựng cơ bản		ĐH Sao Đỏ	2019
48.	Nghiệp vụ kế toán ngân hàng		ĐH Sao Đỏ	2019
49.	Kế toán ngân sách và tài chính xã		ĐH Sao Đỏ	2020
50.	Kế toán quốc tế		ĐH Sao Đỏ	2019
51.	Kiểm toán báo cáo tài chính		ĐH Sao Đỏ	2019
II	GT, TÀI LIỆU THAM KHẢO			
1.	Real life – Elementary – Students’ book, Marty Hobbs Julia Starr Keddle	Pearson Longman		
2.	Real life – Elementary – Students’ book, Marty Hobbs Julia Starr Keddle	Pearson Longman		
3.	Very Easy TOEIC, second edition, Anne Taylor Garrett Byrne	Compass Publishing		
4.	Taking the TOEIC Skills and Strategies, Peggy Anderson, Mary Katherine Chadwick, Wendi Shin	Compass publishing		2016
5.	Dương Kí Châu - Giáo trình	Dương Kí Châu - Giáo	NXB Đại học Quốc	2016

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
	Hán ngữ 1 quyển thượng	trình Hán ngữ 1 quyển thượng	gia Hà Nội	
6.	Giáo trình Hán ngữ (tập 1, quyển thượng)	Dương Ký Châu chủ biên - Trần Thị Thanh Liêm biên dịch	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2018
7.	Giáo trình Hán ngữ (tập 1, quyển hạ)	Dương Ký Châu chủ biên - Trần Thị Thanh Liêm biên dịch	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2020
8.	Giáo trình Hán ngữ (tập 2, quyển thượng)	Dương Ký Châu chủ biên - Trần Thị Thanh Liêm biên dịch	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2020
9.	Tập viết tiếng Nhật thông dụng	Nihongo no kakikata no hon	NXB Đại học quốc gia Hà Nội	2017
10. 11.	Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1- Bản tiếng Nhật	Mina no nihongo	Nhà xuất bản trẻ	2019
12.	Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Bản tiếng Việt	Mina no nihongo	Nhà xuất bản trẻ	2019
13.	Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1- Hán tự (Bản tiếng Việt)	Mina no nihongo	Nhà xuất bản trẻ	2019
14.	Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII	Đảng Cộng sản Việt Nam	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2016
15.	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	<i>Bộ Giáo dục và Đào tạo</i>	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2006
16.	<i>Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin</i>	<i>Bộ Giáo dục và Đào tạo</i>	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2009
17.	<i>Toàn tập</i> , Tập 20	C.Mác và Ph.Ăngghen	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2004
18.	Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII	Đảng Cộng sản Việt Nam	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội	2016
19.	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác Lênin	<i>Bộ Giáo dục và Đào tạo</i>	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2006
20.	<i>Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin</i>	<i>Bộ Giáo dục và Đào tạo</i>	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2009
21.	<i>Toàn tập</i> , Tập 25	C.Mác và Ph.Ăngghen	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	1999
22.	Giáo trình Đường lối các mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	<i>Bộ Giáo dục và Đào tạo</i>	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2010
23.	Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X)	Đảng cộng sản Việt Nam	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2008
24.	Văn kiện Đại hội Đảng XI	Đảng cộng sản Việt Nam	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2011
25.	Văn kiện Đại hội Đảng XII	Đảng cộng sản Việt Nam	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2016

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
26.	Giáo trình Triết học Mác - Lênin	Nguyễn Hữu Vui Nguyễn Ngọc Long	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2002
27.	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	Nguyễn Viết Thông	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2009
28.	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2010
29.	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Hội đồng Trung ương chỉ đạo giáo trình quốc gia các bộ môn Khoa học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2003
30.	Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 12	Đảng Cộng sản Việt Nam	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2016
31.	Giáo trình lý luận về Nhà nước và pháp luật	Nguyễn Văn Động	NXB Giáo dục	2009
32.	Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam		NXB Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội	2017
33.	Giáo trình Pháp luật đại cương	Lê Thị Thanh Hoàng Thị Giang	NXB Tài chính	2009
34.	Luật Phòng chống tham nhũng hiện hành	Quốc hội	NXB Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội	2020
35.	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	NXB giáo dục	2009
36.	Tâm lý học đại cương hướng dẫn trả lời lý thuyết giải bài tập tình huống và trắc nghiệm	Bùi Kim Chi Phan Công Luận	NXB Chính trị - Hành chính	2010
37.	Tâm lý học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.	2010
38.	Giáo trình Khởi sự kinh doanh	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Huyền TS. Ngô Thị Việt Nga	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2020
39.	Tinh thần Khởi nghiệp Kinh doanh	Đình Việt Hòa	NXB Đại học quốc gia Hà Nội	2012
40.	Giáo trình kỹ thuật soạn thảo văn bản kinh tế và quản trị doanh nghiệp	TS. Nguyễn Thế Phán	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	2020
41.	Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ, ban hành ngày 05/3/2020 quy định về công tác văn thư.	Chính phủ		2020
42.	English Grammar in Use	Raymond Murphy	Cambridge Press	2003
43.	English Grammar in Use	Raymond Murphy	Cambridge Press	2003
44.	Big Step TOEIC 1	Kim Soyeong - Park Won	Nhà xuất bản tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh	2003

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
45.	English Grammar in Use	Raymond Murphy	Cambridge Press	2003
46.	English for accounting	Evan Frendo & Sean Mahoney	Oxford university press	
47.	Từ điển Anh- Việt, Việt-Anh			
48.	汉语会话 301 句,	Trương Văn Giới Lê Khắc Kiều Lục biên dịch	Nhà xuất bản Khoa học Xã Hội.	2009
49.	Giáo trình HSK 1 tập 1	Khương Lệ Bình	Nhà xuất bản Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh	2018
50.	Giáo trình chuẩn HSK 1	Khương Lệ Bình	NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh	2018
51.	Giáo trình chuẩn HSK 2	Khương Lệ Bình	NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh	2019
52.	Giáo trình HSK 1 (sách bài tập)	Khương Lệ Bình	NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh	2018
53.	Giáo trình HSK 2	Khương Lệ Bình	NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh	2020
54.	Giáo trình HSK 2 (sách bài tập)	Khương Lệ Bình	NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh	2019
55.	Giáo trình chuẩn HSK 3	Khương Lệ Bình	NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.	2019
56.	Giáo trình chuẩn HSK 3	Khương Lệ Bình	NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.	2019
57.	Tiếng Nhật cho mọi người sơ cấp 1 - Tổng hợp các bài tập theo chủ điểm	Mina no nihongo	Nhà xuất bản trẻ	2019
58.	Toán cao cấp - tập 1	Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh và Nguyễn Hồ Quỳnh	NXB Giáo dục	2018
59.	Toán cao cấp, tập 2	Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh và Nguyễn Hồ Quỳnh	NXB Giáo dục	2018
60.	Toán cao cấp, tập 2	Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh và Nguyễn Hồ Quỳnh	NXB Giáo dục.	2018
61.	Toán cao cấp, tập 3	Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh và Nguyễn Hồ Quỳnh	NXB Giáo dục	2020
62.	Lý thuyết xác suất và Thống kê toán	Nguyễn Cao Văn và Trần Thái Ninh	NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân	2008

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
63.	Xác suất nâng cao	Đặng Hùng Thắng	NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội	2013
64.	Giáo trình mạng máy tính		Trường Đại học Sao Đỏ	2011
65.	Giáo trình tin học đại cương	Bùi Thế Tâm		2007
66.	Giáo trình Thực hành Excel	Phạm Quang Hiến	NXB Thanh niên	2017
67.	Hướng dẫn sử dụng Microsoft Office	Phạm Quang Huy	NXB Thanh niên	2020
68.	Hướng dẫn mới nhất thực hiện 26 chuẩn mực kế toán	Bộ Tài chính	Nhà xuất bản Lao động xã hội	2008
69.	Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính	Bộ Tài chính	NXB Tài chính	2014
70.	Marketing căn bản	GS.TS.Trần Minh Đạo	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2010
71.	Giáo trình Marketing căn bản	Vũ Thị Tuyết	NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội	2020
72.	Giáo trình Kinh tế học vi mô 1	PGS.TS. Nguyễn Văn Dân, ThS. Nguyễn Hồng Nhung	NXB Tài chính	2014
73.	Câu hỏi – Bài tập - Trắc nghiệm Kinh tế vi mô	TS. Nguyễn Như Ý, Trần Thị Bích Dung, Trần Bá Thọ, Nguyễn Hoàng Bảo	NXB TP. Hồ Chí Minh	2020
74.	Kinh tế học vĩ mô	PGS.TS. Nguyễn Văn Dân	NXB Tài Chính	2010
75.	Bài tập nguyên lý kinh tế vĩ mô	PGS.TS. Nguyễn Văn Công	NXB Lao Động	2010
76.	Giáo trình Pháp luật kinh tế	TS. Nguyễn Hợp Toàn	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	2012
77.	Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Doanh nghiệp năm 2014; Luật ngân sách Nhà nước 2015, Luật Hợp tác xã 2012, Luật Đầu tư 2014; Luật Phá sản 2014, Pháp lệnh Trọng tài thương mại 2010, Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014, Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Luật thuế, Luật Chứng khoán	Quốc hội		
78.	Giáo trình Lý thuyết tài chính tiền tệ	PGS. TS. Lê Thị Tuyết Hoa, TS. Đặng Văn Dân	NXB Đại học quốc gia TP. Hồ chí Minh	2017
79.	Giáo trình lý thuyết tài chính tiền tệ	TS. Nguyễn Hữu Tài	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2016
80.	Nguyên lý thống kê (Lý thuyết thống kê)	PGS. TS. Nguyễn Thị Kim Thủy	NXB Lao động xã hội	2012
81.	Bài tập lý thuyết thống kê và phân tích dự báo	TS. Chu Văn Tuấn, TS. Phạm Thị Kim Vân	NXB Tài chính	2008

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
82.	Hướng dẫn thực hành hạch toán kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa	TS. Thu Hà, TS. Phạm Huy Đoán	NXB Tài chính	2017
83.	Thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính	Bộ tài chính		2016
84.	Kế toán quản trị	Huỳnh Lợi	NXB Tài chính	2020
85.	Kế toán quản trị áp dụng cho các doanh nghiệp Việt Nam	PGS.TS. Võ Văn Nhị	NXB Tài chính	2019
86.	Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013	Bộ tài chính		2013
87.	Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014	Bộ tài chính		2014
88.	Giáo trình Lý thuyết kiểm toán	TS. Trần Mạnh Dũng, ThS. Lại Thị Thu Thủy	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2013
89. 90.	Bài tập kiểm toán	Bộ môn kiểm toán, khoa kế toán - kiểm toán Trường Đại học kinh tế TP. Hồ Chí Minh	NXB Lao động - xã hội	2011
91. 92.	Nguyên lý kế toán	PGS.TS. Võ Văn Nhị	NXB Tài chính	2018
93.	Phân tích báo cáo tài chính	Nguyễn Văn Công	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2019
94.	Giáo trình Phân tích báo cáo tài chính	PGS.TS. Nguyễn Năng Phúc	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2017
95.	Giáo trình Quản trị tài chính doanh nghiệp	PGS.TS. Phạm Quang Trung	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2013
96.	Giáo trình Tài chính doanh nghiệp	PGS.TS. Nguyễn Đình Kiệt, TS. Bách Đức Hiền	NXB Tài chính	2019
97.	Giáo trình Kế toán chi phí	TS. Đoàn Ngọc Quế, PGS.TS. Phạm Văn Dược, TS. Huỳnh Lợi	NXB Kinh tế TP Hồ Chí Minh	2015
98.	Bài tập và bài giải kế toán chi phí	TS. Huỳnh Lợi	NXB Tài chính	2012
99.	Giáo trình Thuế	TS. Phan Hữu Nghị, PGS.TS. Nguyễn Thị Bất	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2020
100.	Thuế và kế toán thuế trong doanh nghiệp	PGS.TS. Phạm Đức Cường, PGS.TS. Trần Mạnh Dũng	NXB Tài chính	2019
101.	Phân tích hoạt động kinh doanh	Phạm Văn Dược	NXB Kinh tế TP Hồ Chí Minh	2015
102.	Phân tích hoạt động kinh doanh	Bùi Xuân Phong	NXB Thông tin và truyền thông	2016
103.	Hướng dẫn thực hành sổ kế toán và lập báo cáo tài chính	PGS.TS. Trần Mạnh Dũng, TS. Nguyễn Thị Xuân Hồng	NXB Tài chính	2018
104.	Kế toán tài chính trong doanh nghiệp: Lý thuyết và thực hành.	PGS.TS. Trần Mạnh Dũng, PGS.TS. Phạm Đức Cường, TS. Đinh Thế Hùng	NXB Tài chính	2018
105.	Kế toán tài chính trong doanh nghiệp: Lý thuyết và thực hành.	PGS.TS. Trần Mạnh Dũng, PGS.TS. Phạm Đức Cường,	NXB Tài chính	2018

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
		TS. Đinh Thế Hùng		
106.	Kế toán tài chính trong doanh nghiệp: Lý thuyết và thực hành	PGS.TS. Trần Mạnh Dũng, PGS.TS. Phạm Đức Cường, TS. Đinh Thế Hùng	NXB Tài chính	2018
107.	Kế toán tài chính (Quyển 1)	PGS.TS. Nguyễn Hữu Ánh	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	2020
108.	Kế toán tài chính (Quyển 2)	PGS.TS. Nguyễn Hữu Ánh	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	2020
109.	Lập, đọc, phân tích và kiểm tra Báo cáo tài chính	PGS.TS. Trần Mạnh Dũng, PGS.TS. Phạm Đức Cường, TS. Đinh Thế Hùng	NXB Tài chính	2017
110.	Giáo trình kế toán máy kế toán doanh nghiệp	Công ty cổ phần Misa	NXB Văn hóa - Thông tin	2020
111.	Kế toán tài chính - Doanh nghiệp thương mại và dịch vụ	TS. Vũ Thị Kim Anh, TS. Nguyễn Thị Thanh Phương, PGS.TS. Hà Thị Thúy Vân	NXB Tài chính	2020
112.	Văn bản hợp nhất số 14/VBHN-VPQH ban hành ngày 04 tháng 7 năm 2019	Quốc hội		2019
113. 114.	Nghị định 174/2016/NĐ-CP hướng dẫn Luật kế toán	Chính phủ		2016
115.	Nghị định 41/2018/NĐ-CP về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập	Chính phủ		2018
116.	Thống kê doanh nghiệp	TS. Chu Văn Tuấn	NXB Tài Chính	2010
117.	Phương pháp thống kê trong phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ	TS. Phạm Thị Kim Vân	NXB Tài Chính	2009
118.	Thị trường chứng khoán và đầu tư chứng khoán	Lê Hoàng Nga	NXB Tài chính	2020
119.	Giáo trình Thị trường chứng khoán và đầu tư chứng khoán	TS. Hoàng Văn Quỳnh	NXB Tài chính	2019
120.	Giáo trình bảo hiểm	PGS.TS. Đặng Văn Dân	NXB Tài Chính	2019
121.	Bảo hiểm thương mại	PGS.TS. Nguyễn Văn Định	NXB Đại học Kinh Tế Quốc Dân	2020
122.	Luật số 58/2014/QH13, ban hành ngày 20/11/2014	Quốc hội		2014
123.	Thông tư 107/2017/TT-BTC, ngày 10 tháng 10 năm 2017	Bộ tài chính		2017
124.	Hướng dẫn thực hành kế toán hành chính sự nghiệp theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC	PGS.TS. Võ Văn Nhị	NXB Tài chính	2018

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
125.	Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm công nghiệp nông nghiệp và xây dựng	TS. Đinh Tiên Hiếu	NXB Đại học kinh tế Quốc dân	2016
126.	Kế toán ngân hàng	Nguyễn Thị Loan	NXB Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	2017
127.	Bài tập và bài giải Kế toán ngân hàng	Nguyễn Thị Loan	NXB Phương Đông	2012
128.	Chế độ kế toán Nhân sách và tài chính xã theo Thông tư số 70/2019/TT-BTC ban hành ngày 03/10/2019	Bộ tài chính		2019
129.	Hướng dẫn chế độ kế toán xã phường, thị trấn-xử lý tình huống các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, ghi sổ kế toán, lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán	PGS.TS. Phạm Văn Đăng, ThS. Nguyễn Văn Dương	NXB Tài chính	2018
130.	Thông tư số 344/2016/TT-BTC, ban hành ngày 30/12/2016	Bộ tài chính		2016
131.	Kế toán quốc tế	TS. Nguyễn Thị Loan, PGS.TS. Lý Hoàng Ánh	NXB Tài Chính	2013
132.	Kiểm toán tài chính	GS.TS. Nguyễn Quang Quynh, PGS.TS. Ngô Trí Tuệ	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2014
133.	Kiểm toán căn bản, Câu Hỏi và Bài Tập Trắc Nghiệm	TS. Trần Mạnh Dũng, Ths. Lại Thị Thu Thủy	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2013

14. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

14.1. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

Trong quá trình đào tạo sinh viên ngành Kế toán, Nhà trường thường xuyên kết hợp tổ chức các hoạt động ngoại khóa như: văn hoá, văn nghệ, thể thao, tham quan dã ngoại,... để phát triển và nâng cao kỹ năng mềm cho sinh viên.

Để giúp sinh viên có nhận thức đầy đủ về ngành Kế toán; đồng thời rèn luyện khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, tạo cơ hội tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp ra trường, Khoa và Nhà trường tổ chức cho sinh viên khoá mới nhập học và sinh viên năm thứ 3, thứ 4 đi thăm quan trải nghiệm, học tập, thực tập tại một số doanh nghiệp trong nước liên quan đến ngành Kế toán. Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá như sau:

- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá:

Số TT	Hoạt động ngoại khóa	Hình thức	Thời gian	Mục tiêu
1	Chính trị đầu khóa	Tập trung	Sau khi nhập học	Phổ biến các quy chế đào tạo nghề, nội quy của trường và lớp học

Số TT	Hoạt động ngoại khóa	Hình thức	Thời gian	Mục tiêu
				Phân lớp, làm quen với giáo viên chủ nhiệm
2	Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, dã ngoại	Cá nhân, nhóm thực hiện hoặc tập thể	Vào các ngày lễ lớn trong năm: Lễ khai giảng; Ngày thành lập Đảng, Đoàn; Ngày thành lập trường, lễ kỷ niệm 20-11,...	Nâng cao kỹ năng giao tiếp, khả năng làm việc theo nhóm Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, lòng yêu ngành, yêu trường
3	Tham quan phòng truyền thống của ngành, của trường	Tập trung	Vào dịp hè, ngày nghỉ trong tuần	Rèn luyện ý thức, tổ chức, kỷ luật, lòng yêu ngành, yêu trường
4	Đi thực tế tại các doanh nghiệp, cơ sở đang sản xuất	Tập trung nhóm	Năm học thứ 3 hoặc thứ 4 hoặc trong quá trình thực tập	Nhận thức đầy đủ về ngành theo học. Tìm kiếm cơ hội việc làm
5	Hoạt động thư viện (Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện nghiên cứu và tham khảo tài liệu)	Cá nhân	Ngoài thời gian học tập	Nghiên cứu bổ xung các kiến thức chuyên môn, tìm kiếm thông tin ngành theo học trên Internet

14.2. Hướng dẫn tổ chức thi kết thúc học phần

Thời gian tổ chức thi kết thúc học phần từ 40 phút đến 60 phút đối với thi trắc nghiệm khách quan; từ 30 ÷ 45 phút/sinh viên đối với hình thức thi vấn đáp; từ 90 phút đến 120 phút đối với hình thức thi tự luận; từ 120 phút đến 180 phút đối với hình thức thi thực hành, đánh giá năng lực thực hiện. Đối với các học phần đánh giá kỹ năng nghe, đọc thì thời gian làm bài tối thiểu là 45 phút.

14.3. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

Sinh viên phải học hết chương trình đào tạo ngành Kế toán và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy của sinh viên để quyết định cho sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học một số học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp và tổ chức xét công nhận tốt nghiệp theo quy định.

14.4. Các chú ý khác

Trên cơ sở số lượng các học phần trong chương trình đào tạo, Khoa và phòng Quản lý đào tạo xây dựng kế hoạch tiến độ đào tạo của năm học, khóa học và triển khai thực hiện hàng tuần, hàng tháng, hàng kỳ đảm bảo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo./.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



The stamp is circular with a red border. Inside the border, the text "CỘNG HÒA" is at the top, "TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ" is in the center, and "BỘ THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP" is at the bottom. A red star is positioned at the bottom center of the stamp. A blue ink signature is written across the stamp.

TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên